TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in: 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự: 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY:

* Phải có cái học tự-chủ — *Hoa-Bằng*
* Một quyển sách nói về sự tiến hóa của loài người — *Nguyễn-Văn-Tố*
* Vài con số về các Thư-viện Đông-dương — *Phạm-mạnh-Phan*
* Quyển « Thi-văn bình-chú » (VI) — *Ứng-Hòe*
* Vấn đề sáng tác một chuyên-ngữ triết-học (hết) — *Lê-Thanh*
* Tôn giáo nước Nam (Hết) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, I) — *Phan-khắc-Khoan*
* Lược xét nguyên-nhân sự bại-vong của nước Chiêm-thành... (Hết) — *Dương-Kị*
* Một buổi đi thăm các lớp học của H.T.B.Q.N. Hanoi — *Khái-Sinh*
* Phi-Yến với quan-niệm thơ — *Tố-Phang*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XVII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 94**
Thứ năm, 6 Mai 1943

0$20

Phải có cái học tự-chủ

Đừng mắc cái bịnh « vụ ngoại » như Vương Dương-Minh đã nói ! Đừng ngồi bên đường than khóc như người Chu trong sách Luận-hành!

HOA-BẰNG

MỚI đây, có một đám cưới đã làm cho tôi phải cảm động trước tính - cách tự - chủ của cô dâu : Nguyên cô dâu ấy mới ngoài hai mươi tuổi mà rang đen ; chú rể, theo thời thượng, và sở-thích của thanh-niên, có nhắn bảo cô dâu hãy đánh răng trắng trước ngày làm lễ cưới. Nhưng cuối cùng cô dâu vẫn giữ được quyền tự-chủ, vẫn nắm được phần đắc thắng: vẫn cứ đem được « má hồng, răng đen » là cái đẹp cố-hữu của mình mà về nhà chồng.

Ở đây, không có ý phê-bình về mặt thẩm-mỹ, tôi chỉ muốn nhân chuyện mắt thấy ấy mà nêu lên một vấn-đề, vấn-đề ở đời, nhất là ở trong cõi học, phải có tinh-thần tự-chủ.

Bọn phụ nữ Tàu xưa sở dĩ phải bó chân, là vì họ không giữ được tinh-thần tự chủ, nên mới phải chiều theo sở thích của đàn ông mà làm hạng người thất - thểu đi không vững !

Đám phụ nữ Thổ-nhĩ-kỳ xưa sở-phải che lúp mặt, là vì họ không được tinh-thần tự-chủ, nên chịu cưng ý muốn của nam-i mà làm hạng người « bấy, » vì thiếu ánh mặt trời.

Nếu không có một cầm-nàm, một chủ-trương mà chỉ chiều riết thời-thượng, đuổi theo những cái ồn-ào bề ngoài thì suốt đời, ta sẽ không có ái gì là đặc-tính để đi đến bước thành-công cả.

Một người con gái nếu giữ được tính cách tự-chủ, quyết không thể nay chiều đời mà nhuộm rang đen, lại mai cưng đời mà đánh răng trắng. Vì nếu cứ bỏ mình mà theo người, xao-lãng bề trong mà chăm lo bề ngoài thì, một ngày kia, đời thích răng xanh hay răng tím, ta sẽ phải từ đen đánh trắng, rồi lại từ trắng nhuộm xanh hay tím ư?

Phải có óc tự-chủ mới có sở đắc.

***

Việc học cũng vậy. Ta trước hết phải vì mình mà học, học để biết cách làm người, học để đối phó với đời, học để sinh-tồn trên thế giới. Rồi do cái sở-đắc của ta, ta ráng cùng nhau gây lấy một thứ văn hóa cho thích hợp với thổ ngơi, với trình độ của nước mình để rồi có thể tự hào mà nói với người ngoài rằng: « Đây là cái học của người Nam chúng tôi ! Đây là món văn hóa đặc biệt của dân tộc Đại Việt chúng tôi ! »

Nếu không sớm nghĩ như vậy thì ta sẽ suốt đời đi vơ đi vẩn, bước quàng bước xiên, chẳng đến được một cái cứu cánh gì hết.

Khi xưa, phần đông chỉ học vì người, đuổi theo thời thượng: nào « văn-sách thép », nào « câu đối chữ súc », cố rèn cho được cụ-thể để vác nổi cái lều, nên ngoài lối văn cử nghiệp và thù ứng ra, ta chưa hề gây được học-phong một thời và học thuyết một nhà nào cả !

Đến nay, nhiều người tự mạng là hạng « trí-thức », nhưng vẫn mắc phải cái bệnh di truyền là học vụ ngoại, chứ « trong lòng chẳng có cây trúc vẽ sẵn » bao giờ !

Họ làm thơ ? Phần nhiều chỉ đua nhau ca-tụng ái-tình, ca-tụng nữ - sắc, ca tụng cái sống mơ-mộng, ca-tụng nhịp đời du-dương...

Họ viết văn ? Lúc nghiêng hữu, lúc nghiêng tả, lúc bợ-đỡ mới, lúc bợ-đỡ cũ, lúc chạy theo cổ, lúc chạy theo kim...

Thực ra, họ chỉ là những bộ óc thụ động, lênh đênh như chiếc bèo chao chát theo sóng trong biển cả mênh mông; chờn - vờn như đám lửa trơi dập dềnh trước gió trong bãi tha ma tiêu điều quạnh quẽ !

Họ là những con đom đóm : thấy sáng thì vào !

Họ là một đám phường trèo : đến đình nào chúc đình ấy !

Vì vậy, suốt đời, họ chỉ như hòn đá hay lăn, không bao giờ có rêu cả.

Trong một xã hội, nếu hạng người có học mà cứ như thế cả thì, chẳng cần phải nói, ai cũng có thể đoán được trình độ xã hội đó ra thế nào.

Mỗi lần luồng gió thời thế lộng lên một chiều khác là một lần trong xã hội lại nảy ra một hạng « đuổi sóng theo giòng » (tôi chỉ nói có *một hạng*): Họ học để đón phong-trào, chứ không phải vì có óc tự lập, ham học để mong đời cây hoa mới lạ vào « vườn » văn hóa nước nhà ! Họ học « đua đòi » để hòng chạy trước chiếm chỗ, chứ không phải vì có chí ưa học rộng, ham biết nhiều, mong thâu thái những đồ tư-dưỡng ngoại lai của nhiều nơi để vun bón cho « cây » quốc-văn hãy còn khẳng khiu, cằn cỗi !...

Nếu lúc nào và ở đâu, người ta cũng cứ quay cuồng theo chiều gió của thời thế, thì quốc-gia dầu được tồn-tại hàng mấy nghìn thế kỷ, hàng đời đời đi nữa, cũng chỉ là một nước không có thực học, không có văn hóa riêng và đặc tính riêng.

Nếu vậy tức là một nước có xác không hồn, hễ anh phù-thủy hay bác thôi-miên sai-khiến đi đâu thì cứ cắm đầu đi đấy: nam, bắc, đông, tây, tự mình chẳng có định hướng gì cả.

Không giấu chi các bạn: khi viết đến đây, bao mối cảm xúc đã rung động trái tim tôi, làm tôi bất giác tự trào nước mắt vì không ngăn được những nỗi đau lòng...

***

Trong thiên *Phùng ngộ* sách *Luận hành* của Vương-Sung đời Hán có chép một chuyện như vầy, tôi xin dịch ra đây để làm kết luận bài này:

« *Xưa, đời Chu có người muốn ra làm quan mà luôn không gặp thời, đến lúc tuổi già, đầu bạc, ngồi ở đường cái mà khóc.*

« *Có kẻ hỏi ông ta:*

— « *Làm sao mà khóc?*

« *Ông ta thưa:*

— « *Tôi muốn ra làm quan, nhưng luôn không gặp-gỡ. Tự thương tuổi già lỗi thời, vì thế mới khóc.*

— « *Tại sao muốn ra làm quan mà không lần nào gặp gỡ?*

— « *Hồi tôi trẻ tuổi, học văn; văn đã nên rồi, bèn muốn ra làm quan. Nhưng ông vua bấy giờ ưa dùng hạng người già. Kịp khi ông vua ưa dùng người già ấy mất rồi, vua nối sau lại ưa dùng võ; tôi lại xoay ra học võ. Nghề võ vừa mới học thành, thì ông vua ưa võ ấy lại mất! Vua trẻ mới lên ngôi, ưa dùng hạng người trẻ; tuổi tôi lại già quách rồi! Vì thế chưa hề gặp được lần nào!...* » (Luận hành, quyển 1, tờ 5 a)

Đến đây, tôi trông cần phải nói thêm: nguyên ý tác giả sách *Luận hành* dẫn chuyện này trong thiên *Phùng ngộ* chỉ muốn tỏ rằng: phẩm hạnh và thao thủ của người ta thì có nết « thường », đến bước sĩ hoạn thì không có sự gặp gỡ « thường » được. Vì hiền hay chẳng hiền là tư cách riêng của người ta, chứ đến gặp gỡ hay không gặp gỡ thì do thời vận. Ý đó tức như câu tục ngữ của ta nói « học tài, thì phận ». Hạng người tài cao nết sạch chưa chắc đã được tôn qui; mà hạng tài kém nết hư chưa chắc đã phải ti tiện. Chẳng qua là do sự gặp gỡ hay không đó thôi.

Tôi dẫn chuyện người Chu ấy ra đây chỉ là một lối « cắt chương lấy nghĩa ». Tôi rất mong trong cõi học ta, ít có những người ngồi bên đường mà khóc như ông già kia trong thiên « Phùng-ngộ ». Tôi lại rất mong sĩ-phu ta gây được cái học tự lập, đừng nay nhuộm đen, mai đánh trắng hay ngày kia lại bôi xanh.

Để mong đi được đến chỗ cứu cánh tốt-đẹp, tôi tưởng lúc nào ta cũng phải nên canh-cánh nơm-nớp, cố tránh cái bịnh nguy hiểm của hạ giới mà Vương Dương-Minh đã cảnh ra: « *Xả kỷ, tuẫn nhân, hư nội vụ ngoại!* » (bỏ mình, theo người, rỗng bề trong, chăm bề ngoài).

HOA-BẰNG

TÙY HỨNG

Việt trung hoài cổ

Việt vương Câu-Tiễn phá Ngô quy,
Chiến sĩ hoàn gia tận cẩm y.
Cung nữ như hoa mãn xuân điện,
Chỉ kim duy hữu giá-cô phi.

LÝ-BẠCH

Chơi đất Việt hoài cổ

Phá Ngô vua Việt trở về,
Bao nhiêu chiến-sĩ lê-thê gấm là.
Đền xuân cung nữ như hoa,
Nay còn mấy cái đa-đa lượn-lờ.

TRÚC-KHÊ dịch

Một quyển sách nói về sự

TIẾN-HÓA của LOÀI NGƯỜI

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ÔNG Nguyễn Bach Khoa mới ra một quyển sách đề là *Nhân loại tiến-hóa sử*, do nhà Hàn-Thuyên xuất bản. Quyển này là quyển số 7 và số 8 của *Văn mới*, « tạp-chí phổ-thong giáo-dục ». Khổ giấy mọt bề 11 và một bề 18 phân tây, cộng được 206 trang. Quyển thứ nhất gọi là *Tiến-hóa luận*, chia ra làm 12 chương.

Xem ra tác-giả đã đọc được nhiều sách tây, nhưng có một vài thuyết, sách tây đã bác đi rồi, mà không thấy tác-giả dẫn đến. Như trang 12, tác-giả nói : « Bao nhiêu điều nhận xét và chú-thích của Lévy-Bruhl về não-trạng thái-cổ, ngày nay đã được toàn-thể các nhà xa-hội-học và nhân-chủng-học khắp thế-giới coi là cổ-điển ». Nói là « toàn-thể... khắp thế-giới » thì nhầm, vì Hội Triết-học bên Pháp có lập một buổi họp riêng để bàn về thuyết ông Lévy-Bruhl và lời bác của ông Mauss, sau có đăng cả trong tập kỷ-yếu của Hội Triết-học năm 1923 và nam 1937 (*Bulletin de la Société française de Philosophie*, quyển XXIII và XXXVII). Lại có ông Olivier Leroy (*La raison primitive, essai de réfutation de la théorie du prélogisme*, 1927), ông Jean Przyluski (*La participation*, Nouvelle Encyclopédie philosophique, 1940), v. v., làm [illegible] để bài-bác và bổ-cứu vào thuyết của ông Lévy-Bruhl. Ấy là chưa nói đến các sách ngoại-quốc, như sách ông E. Evans-Pritchard (*Lévy-Bruhl's Theorg of Primitive Mentality*) hay những bài diễn-thuyết của ông Marcel Ner ở viện Bảo-tàng của trường Bác-cổ (*La mentalité archaïque chez les montagnards du Sud-Annam*, v. v., đăng trong *Cahiers de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, số 9, năm 1936, trang 9-13, v. v.). Như thế thì không phải cả « toàn-thể » như ông Bách Khoa nói trong bài *Tiến-hóa luận*.

Trang 10, ông viết mấy câu như sau này : « Vũ-trụ vì đâu mà có ? Trái đất xuất-hiện cách nao ? Vạn vật ở đâu ra ? Loài người ai sinh ra ? Vũ-trụ, vạn vật, loài người sẽ đi tới đâu ? Đó là những câu hỏi vẫn làm băn-khoăn loài người từ đời thái-cổ đến bây giờ. » Nói như thế thì nhầm, vì người đời thái-cổ chưa được như bây giờ, còn phải đi chống với ác-thú và phải đi kiếm lấy thức ăn, thì còn nghĩ đâu đến những câu hỏi trên kia, mà dù có người nào được thong-thả chăng nữa, vị tất đã tới được cái trình-độ biết vũ-trụ, vạn vật là gì. Cứ xét ngay những « người cổ » *hommes primitifs*) đời nay, như người Mường, người Mọi, thì cũng biết ; có lẽ tác-giả cũng biết như thế, nên đến trang 20, tác-giả lại nói một câu rằng : « Trong một cuộc sống đầy lo sợ như vậy, với một tư-tưởng ma thuật như thế, người thái-cổ tất nhiên phải giải-thích vũ-trụ và vạn vật theo sự hiểu biết của họ. »

Quyển *Tiến-hóa luận* làm cho người mình xem, đáng lẽ dẫn những điển-tích của nước mình nhiều hơn mới phải : thế mà tác-giả chỉ theo sách tây chép những việc ở các châu khác, còn những việc ở châu Á, và nhất là những việc ở Đông-dương, thì không nói đến mấy. Như trang 30 tác-giả chỉ nói đến thần mặt trời ở bên Ai-cập, còn Ấn-độ (xem bài V. Goloubew, *Sûrya, le dieu solaire des Hindous*, đăng trong *Cahiers de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, số 20-21, năm 1939, trang 23-29), Cao-miên (xem bài V. Goloubew, *Les images de Sûrya au Cambodge*, đăng trong *Cahiers* E. F. E. O., số 22, năm 1940, trang 38-42), hay nói chung cả Đông-dương (xem bài M. Colani, *Vestiges d'un culte solaire en Indochine*, đăng trong *Institut indochinois pour*

CẢM ƠN

Kỳ Đại-hội-đồng ngày 2 Mai 1943 đã bầu vị khác lên thay tôi làm Hội-trưởng hội Hợp-Thiện.

Trong mười lăm năm liền tôi làm việc hội đã được các nhà từ-thiện Pháp-Nam, các bạn đồng chí xa gần ủng hộ và giúp đỡ vậy trước khi từ giã ghế Hội-trưởng, tôi xin trân-trọng kính tạ.

NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG

l'étude de l'homme, quyển III, năm 1940, trang 37-41) thì không nói tới. Cái hình mặt trời khắc ở trên mặt trống đồng cổ (mà người Pháp gọi là étoile héliaque) của hiệu Hàn-Thuyên in vào bìa quyển *Việt-nam cổ-văn-học sử* cho ông Nguyễn-đổng-Chi, đáng lẽ in vào bìa quyển *Tiến hóa sử* này mới phải.

Trang 31-32, tác-giả nói : « Mỗi quốc-gia lại có một vị thần chúa-tể... Trung-quốc thờ Thượng-Đế... » Sách Tây (như quyển A. Réville, *La religion chinoise*, trang 135), sách Tàu (như quyển *Tam giáo sưu thần đại toàn*, quyển 1, tờ 15 a) đều gọi Thượng-đế là Giời hoặc thần Giời, chứ không phải thần chúa-tể.

Trang 52, tác-giả nói Anaximène (thành Milet) ở vào « thế-kỷ thứ sáu trước Tây-lịch » : có lẽ sai, vì quyển *Larousse du XXe siècle* chép Anaximène vào khoảng năm 550-480 trước Thiên-chúa, v. v.

Có hai lối làm sách : một là làm cho có văn-chương, hai là kỷ thực như lối văn chép sử hoặc sách giáo-khoa. Lối làm cho có văn-chương, phi người có tài làm văn và giỏi khoa-học thì không làm nổi : nếu chỉ có tài mà không giỏi khoa-học thì hay chép sai, vì tất phải tô-điểm thêm, mà câu văn phần nhiều càng hay bao nhiêu, thì càng xa sự thực bấy nhiêu !

Lối văn ông Bách Khoa thì nửa ta nửa tây, thành ra dùng chữ rất khó hiểu. Thí-dụ như trang 12 (đã sao lại trên kia), có chữ « cổ-điển » lấy nghĩa chữ nho thì là phép-tắc đời xưa, dùng vào nghĩa mới thì là môn-học thư-tịch và học-vấn đời xưa. Theo nghĩa tây thì một là văn-tự Hy-lạp La-mã, hai là làm mẫu cho đời sau, v. v. : hai nghĩa ấy chữ Pháp cũng là một chữ *classique*. Ông Bách Khoa dùng vào nghĩa thứ hai : dịch ở chữ Pháp ra thì đúng, mà dùng vào chữ nho là « cổ-điển » thì sai. Vậy tôi tưởng nên đặt câu ấy như sau này : « Bao nhiêu những điều của ông Lévy-Bruhl đã xét về tâm-lý người thái-cổ thì hiện nay các nhà chuyên-khảo về xã-hội và nhân-chủng đều cho là xác-đáng » ; đây là nói về lời văn, chứ nghĩa thì vẫn sai, trên kia tôi đã nói rõ.

Lại trang 31, có chữ « tín-ngưỡng và sự tôn thờ » : chữ « tôn » và chữ « ngưỡng » là một nghĩa ; nếu dùng vào nghĩa tin mà thờ, thì phải đặt là « tin theo và thờ cúng », v. v.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

HỒ BA BỂ
là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ
HỒ BA BỂ ?
xin mời các bạn hãy thần du với tác-giả tập du-ký
HỒ BA BỂ
ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai mầu.
in tại nhà in Tri-Tân
giá 2$00 một cuốn.
Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-nham TRỊNH-NHƯ-TẤU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

Kỳ sau :

Bác-sĩ Yersin
LÊ VĂN-NGÔN viết

Trung-quân NG. VĂN-TRƯƠNG
NGUYỄU TRỆU *viết*

Đính chính

Trong bài đổi năm âm-lịch và dương-lịch ở số 66, tôi có viết lầm ở cuối bài (dùng bảng ở trước J. C.). Tôi đã có đăng ở báo Khoa-Học số 15 và trong bài ấy tôi đã có vẽ thêm bảng dùng để đổi những năm trước J. C. Vậy nếu độc-giả muốn đổi những năm ấy, xin xem bảng ở Khoa-Học.

HOÀNG-XUÂN-HÃN

NHỮNG SÁCH CỦA

LÊ-THĂNG XUẤT-BẢN
Imprimerie du Nord
133, Rue du Coton, Hanoi

1·) Tiểu học Việt nam văn giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p.25
2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 3.50
3·) *Grammaire Annamite*, Trần-trọng-Kim 4.50
4·) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0.80
5·) *De Hanoi à la Courtine*, Phạm-duy-Khiêm 1.50

Đang tái bản

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1 — Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15·/.

VÀI CON SỐ VỀ CÁC THƯ VIỆN Ở ĐÔNG-DƯƠNG

PHẠM-MẠNH-PHAN

CHẮC các độc-giả còn nhớ cuộc hội chợ triển-lãm vĩ đại (foire exposition) ở Hanoi năm 1941.

Ở ngay giữa hội chợ gian nhà đồ sộ nguy nga đã dành riêng cho việc trưng-bầy về văn học và sử-học của nước ta.

Hơn một năm qua, việc trưng bầy đó còn phảng phất trong trí nhớ mọi người. Phần đông các bạn tuy có tới xem nhưng không có đủ thời giờ tỉ-mỉ nhìn nhận một cách kỹ càng những bản thống kê và những con số hùng-biện có thể *nói* nhiều với chúng ta về cuộc tiến hóa của đất nước trên con đường tri-thức.

Trong những ngày tới xem, tôi có ghi chép được ít nhiều con số về các thư-viện ở Đông-dương mà chính-phủ đã cho trưng bầy trên các tấm bảng lớn.

Tôi xin đem hiến bạn đọc để ghi lấy cái trình-độ tiến-hóa của nước ta trong khoảng giữa thế kỷ thứ hai mươi này, tưởng chẳng phải là một việc vô ích vậy.

Vì muốn rõ tính hiếu học của một nước với sự mở mang tri-thức cùng trình độ người đọc nước đó, tôi tưởng không gì ng nhìn nhận lấy số thư viện có trong nước ấy, với những số rời đọc và các loại sách cùng văn-nhân thế-giới mà phần ng ham-chuộng.

Sở lưu-trữ văn-thư và các thư-viện (direction des archives et des bibliothèques) lập nên năm 1917 do một nhà bảo-quản văn-khố (archiviste) là Paléographe cộng-sự với năm bạn đồng nghiệp.

Các sách báo xuất bản ở khắp Đông-dương kể từ năm 1922 đến 1940 mà sở nạp bản (service de dépôt légal) đã nhận được là :

13.381 sách các loại
5.123 các báo và tạp chí
1.291 các bản địa đồ (cartes)

Nguyên năm 1940 thì có :

772 cuốn sách đã gửi tới
454 các báo và tạp chí
61 các bản đồ

Các sách báo đó phần nhiều bằng pháp-văn và bằng việt-văn. Các sách viết bằng hai thứ tiếng Mên và Lào thì chiếm thiểu số.

Đặt theo thứ tự các xứ, thì người ta thấy Bắc-kỳ sản-xuất nhiều hơn hết. Rồi tới Nam-kỳ và Cao-miên. Xứ Trung-kỳ cái gì cũng kém cả sản-xuất ít, đứng sau Cao-miên và trên xứ Lào.

Tính theo phần trăm (pour cent) thì người ta thấy bảng thứ tự sau đây :

Bắc-kỳ chiếm	52, 1	phần trăm
Nam-kỳ »	31, 1	»
Cao-mên »	8, 8	»
Trung-kỳ »	6, 2	»
Ai-lao »	1, 6	»

Hiện giờ ở Đông-dương có bốn thư viện lớn ở thủ đô các xứ :

1.—**Thư viện P. Pasquier,** trước là thư viện Trung-ương mới đổi tên, lập nên năm 1919, có tất cả 101.643 cuốn sách và đã có 1.699.569 người đọc (kể tới năm 1941).

2.—**Thư viện Trung-ương** ở Saigon lập nên năm 1909 có 45.376 cuốn sách và đã có 1.053.541 người đọc.

3.—**Thư viện Trung ương** ở Cao-miên lập nên năm 1924 có 19.035 cuốn sách và kể tới năm 1941 đã có 525.777 người tới đọc.

4.—**Thư viện Bảo-Đại** ở Huế mới lập lên được mấy năm nay và số sách lẽ tất nhiên là kém các thư viện trên đã có lâu năm.

***

Đó là nói chung về các thư-viện ở các xứ.

Riêng về thư viện Pierre Pasquier ở Hanoi thì từ khi mới lập (1919) tới 1941 người ta đã ghi được 144.756 độc-giả người Pháp và 901.510 độc-giả người Nam.

Mặc dầu số người Pháp ở Hanoi kém người Nam, nhưng nếu ta so-sánh thì ta sẽ thấy trong số những người năng lui tới thư viện thì cứ 7 người Nam mới có một người Pháp. Đó là một chứng cớ chứng thực rằng dân tộc ta là một dân tộc hiếu học và ham hiểu biết.

Nguyên năm 1941 có tất cả 87.397 người đọc sách ở thư-viện Pierre Pasquier và tính chung bình mỗi ngày có 291 người.

Trong số những người này thì phần nhiều là các học-sinh và các sinh-viên. Các công chức phần đông là hạng người ít lui tới hơn hết !

Trong số một trăm người đọc sách chỉ có 13 người là các công chức Pháp Nam. Các tiểu công chức thì chỉ có 3 người ! Thật là

một sự đáng phàn nàn vì hạng người sau này lại là người cần phải mở mang tri thức thêm sau cái học của nhà trường. Người ta phải tự hỏi những giờ nhàn rỗi các người đó làm gì ?

Các loại sách được giở tới gần nửa là các sách thuốc về văn-chương (littérature). Sách về khoa-học, triết-học cùng sử-học ít được mọi người ham-chuộng.

Điều nhận xét đó cho ta biết rằng phái thanh niên tri thức ở nước ta phần đông vẫn còn có cái óc chuộng văn chương hơn là khoa học. Âu cũng là một đặc tính của dân tộc ta và cũng là một chứng cớ tỏ rõ sự chậm tiến của dân Việt-nam trên con đường văn-minh.

Ngoài ban đọc sách (section de lecture) mà người đọc ít khi được đem sách về nhà, thư-viện Pasquier còn có một ban cho mượn sách về nhà đọc (section de prêt) như nhiều người đã biết.

Ban đó phần nhiều có các tiểu-thuyết. Kể tới 1941 có 756.255 người đến mượn sách, tính chung bình mỗi ngày có non 200 người.

Các văn sĩ được mọi người yêu chuộng thì phần nhiều là các tiểu-thuyết-gia.

Đứng đầu là Alexandre Dumas rồi tới Maurice Dekobra, Benoît cùng Bordeaux. Sau Bordeaux người ta liệt kê theo thứ tự các văn-nhân sau này : Delly — Balzac — Maupassant — Simenon — Maurois — Pearl Buck — Jack London — Kipling — Anatole France — les Frères Marguerite vân vân...

Đó là các văn-nhân ngoại-quốc. Tôi rất tiếc không hiến bạn đọc được bảng thống-kê về các văn nhân người Nam xem ai được phái tri-thức hay đọc hơn hết. Tôi đã ra thư-viện Pasquier hỏi, song một công-chức người Nam đã niềm-nở trả lời tôi rằng các sách về quốc văn không hay cho mượn, trừ một vài trường-hợp đặc-biệt nên không thể vừa lòng tôi được.

***

Ngoài thư-viện Pasquier ở Hanoi còn có hai thư-viện nữa cũng đáng chú ý.

Một của Đại-học-đường Đông-dương (bibliothèque de l'Université) dành riêng cho các sinh-viên.

Trong thư-viện đó phần nhiều có các sách về luật học và y-học cùng các luận đề (thèse) thi ra của trường thuốc.

Một của trường Bác-cổ viễn-đông (bibliothèque de l'école française d'Extrême-Orient). Thư-viện này là một kho tàng rất quý giá của Đông-dương ta.

Hiện tòa nhà của thư-viện còn nhỏ hẹp, nên hôm 17-3-1943 vừa rồi quan toàn-quyền Decoux đã tới chủ-tịch lễ khởi công xây một toà nhà khác cho thư-viện đó.

Trong một vài năm nữa, thư-viện đó sẽ là một toà nhà lộng lẫy nguy-nga xứng đáng với cái kho tàng tri-thức của đất Việt.

Hiện giờ thư-viện nhà trường có 8 vạn cuốn sách chia ra sau này :

40.000 cuốn sách Âu Mỹ
27.000 sách chữ Tàu
6.000 sách việt-văn
2.500 sách của Nhật
2.500 sách của Mên và Lào

Làm cho các nòi giống và các giai cấp đoàn kết với nhau, đó là một khẩu hiệu của Đại-Pháp.

Yêu dân nhưng không nịnh dân.

Những cuốn sách chữ Hán rất quý cho nền văn học nước nhà đã được những nhà học giả uyên-thâm tốn công khảo-cứu và sưu-tầm. Phần nhiều các nhà văn ta đều phải lấy ở thư-viện đó những tài-liệu về văn-học và sử-học.

Ngoài các sách trên nhà trường còn có hơn 2 vạn bản chữ chép theo các bản chữ cổ nhất ở khắp Đông-dương.

Vì thư-viện trường Bác-cổ dường có tính-cách chuyên-môn về khảo cổ, nên các thanh-niên tri-thức ít người để ý tới.

***

Tôi đã thuật qua những thư viện của bán đảo chữ S với những con số đã ghi được để độc-giả xét nhận.

Với số thư-viện đã có, tôi thấy nó còn ít ỏi lắm, không đủ cung cấp món ăn tinh-thần cho những người hiếu học.

Tôi rất mong một ngày kia ở mỗi tỉnh khắp toàn xứ đều có một thư-viện như thư-viện Pasquier ở đây.

Cái ngày mà mỗi huyện và mỗi làng đều có một thư-viện còn là cái ngày trong mộng-tưởng. nhất một thế-kỷ nữa mới th xuất hiện cái cảnh đẹp-đẽ ấy. mong rằng sự thực sẽ sớm chính lời phỏng đoán táo bạo của tôi.

PHẠM-MẠNH-PH

QUYỂN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 6

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

V. — Cao-bá-Quát.

Ông Ngô Tất-Tố viết trong *Thi văn bình-chú* (cuốn II, trang 98): « Ngày nay tài-liệu về ông (Cao-bá-Quát) đã bị mai-một, dòng-dõi của ông không còn người nào, hoặc có còn nữa, cũng là những người họ xa, không biết chuyện ông (?). Bởi thế, bây giờ muốn khảo đích-xác về hành-trạng của ông thật là một sự khó-khăn. »

Hiện có hai tài-liệu có thể tin được ít nhiều là quyển *Quốc triều hương-khoa* và quyển *Đại-Nam chính-biên liệt truyện*, chưa ai dịch ra quốc-ngữ, nay tôi chép ra sau đây:

« Cao-bá-Quát, khoa tân-mão, hiệu Minh-mạng (thứ 12 tức năm 1831), đỗ cử-nhân cuối cùng trường Thăng-long. Người làng Phú-thị, huyện Gia-lâm (trấn Kinh-bắc). Em Bá-Đạt. Nguyên đỗ thứ hai, khi Bộ duyệt lại, truất xuống cuối-cùng. Có tiếng là văn-học. Làm quan đến giáo-thụ phủ Quốc-oai, bị bệnh cáo về. Đến năm giáp-dần (1854) khởi ngụy, quan quân bắn chết » (*Quốc-triều hương khoa*, quyển 1, tờ 77 a).

« Cao-bá-Quát cùng anh là Cao bá-Đạt, một học sinh đôi, cho nên đặt tên là Bá-Đạt, Bá-Quát (1). Tức nhỏ là người đĩnh-ngộ, đều [illegible] văn tài. Sau Quát làm nhà ở [illegible]ng thành Đại-la, tỉnh Hà-nội. [illegible]m Minh-mạng thứ 12, khoa [illegible]-mão (1831), thi hương đỗ á-[illegible]yên (tức đỗ cử-nhân thứ hai). [illegible]n khi bộ Lễ xét lại, cho đỗ cuối-cùng. Thi hội bị hỏng mãi, Quát lấy làm giận, lại cùng rèn-tập, văn càng tiến, cùng với phó-bảng Thọ-xương là Phương-đình Nguyễn-văn-Siêu nổi tiếng ngang nhau: người thời bấy giờ phần nhiều mộ tiếng, đã có câu truyền tụng: « Văn như Siêu Quát vô Tiền-Hán », nghĩa là « văn như ông Siêu ông Quát, thì Tiền-Hán cũng không hơn được » (2).

« Năm Thiệu-trị thứ nhất (1841), Quát sung chức sơ-khảo trường Thừa-thiên, cùng với người đồng-viện là Phan-Nhạ ngầm lấy khói đèn chữa 24 quyển văn thi, sau đỗ được 5 quyển: dự-luận học-trò bấy giờ sôi nổi, giám-sát trường-vụ là Hồ-trọng-Tuấn làm sớ sin hạch tội. Đến khi dâng án, tâu lên khép tội chết; nhưng vua cho bọn Bá-Quát sinh ý hóa làm càn nguyên không tình tiết, đặc ân giảm tội tử xuống tội giảo-giam-hậu; sau lại được tha, khai phục bổ dụng.

« Đến năm Tự-đức thứ bảy (1854) bổ giáo-thụ phủ Quốc-oai, cạy mình là người tài danh, khuất ở ngôi dưới, trong lòng uất-ức, mới cáo quan, về ở Bắc-ninh. Lúc bấy giờ các tỉnh Tuyên-quang, Cao-bằng, Thái nguyên, Lạng-sơn, đều có trộm cướp ở ngoài biên. Lại có Lê-duy-Cự tự xưng là con cháu nhà Lê. Quát ngầm họp đồ-đảng, mưu việc trái phép, hẹn ngày tới thành Hà-nội khởi sự: mưu ấy tiết-lộ, tỉnh Bắc-ninh và tỉnh Hà-nội tầm-nã rất gấp. Quát mới họp đồ-đảng tôn Duy-Cự làm minh-chủ, tự nhận làm quốc-sư, dụ những người thổ-mục ở Sơn-tây là Đinh-công-Mỹ, Bạch-công-Trân, tụ họp đồ-đảng, tràn xuống Hà-nội, đốt phá phủ Ứng-hoà và huyện Thanh-oai: quan quân ở Hà-nội đánh phá được ở làng Đồng-dương. Bá-Quát lại từ Mỹ-lương chốn qua phủ Vĩnh-tường, đốt phá huyện thành Tam-dương, đi

(*Xem tiếp trang 23*)

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt sại thành một pho từ điển, *rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc ách và nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 × 25 ngót 400 trang

Giá bán lẻ . . . . . 5$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10 % cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20 % cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ:

Ô. Quảng-vạn-Thành { *16, Phố Lê Lợi – HANOI*
51, Doumer – HAIPHONG

Vấn đề sáng tác

MỘT CHUYÊN NGỮ TRIẾT HỌC

(Tiếp theo) LÊ-THANH

Vả lại nếu có đủ tiếng để tỏ một ý đi nữa phần nhiều một ý giản dị ta phải dùng đến mấy tiếng chắp lại. Một danh từ, một hình dung từ, tức như một cỗ xe dùng để chở một tư tưởng, cỗ xe phải đóng thế nào để sự chở tư tưởng được gọn gàng và tiện lợi mới được.

Cách thứ hai không tự nhiên, mà lại làm tiếng mình lai đi nhiều quá. Trên một số báo, tôi thấy mấy nhà học giả đề nghị dịch tiếng khoa học như acide sulfurique thì dịch là a-ci-đơ, suyn phuy-ri-cơ, tôi thấy ngây ngô và không ích gì vì một người chưa biết hai tiếng acide sufurique chắc không thể hiểu được a-si-đơ, suyn-phuy-ri-cơ là gì.

— Đến cách thứ ba. Nói đến cách này tôi trạm phải một vấn đề rất quan trọng hiện nhiều người đang chú ý : vấn đề dùng tiếng hán việt.

Gần đây tôi có được đọc một tập sách trong ấy tác giả chủ trương nên bỏ ra ngoài tiếng ta những tiếng... căn nguyên bên Tàu như *ái-ân, thẩm mỹ, đoạn trường*... thậm chí có làng tên là *Phú-mỹ* tác giả cũng khuyên nên đổi là *Giầu-đẹp*. Chủ trương ấy không mới mẻ gì cho lắm. Trong một câu chuyện văn chương, ông Trần trọng-Kim kể cho chúng tôi nghe : có lần trong ban văn chương của hội Khai trí tiến đức, một vị tổng đốc cũng đề nghị bỏ những tiếng mượn của Tàu đi và đã có người hỏi lại « nếu bỏ những tiếng mượn của Tàu kể cả hai tiếng *tổng đốc* thì người ta biết gọi ngài là gì ?»

Nhà văn Nguyễn công-Hoan viết tiểu thuyết *Tấm lòng vàng* cho trẻ em đã dùng một ngày giời tìm một tiếng thuần an-nam để thay cho hai tiếng *cảm-động* nhà văn ấy đã không được như nguyện.

Bỏ thế nào được hết những tiếng mượn của người Tàu ; tiếng ta hiện đã có một phần tư chữ tàu rồi (ông Ứng-Hòe Nguyễn-văn-Tố đã đếm trong quyển Việt-nam từ-điển trong hội Khai-trí tiến-đức có 13.276 tiếng nam thuần-túy và 3.443 tiếng mượn của Tàu.)

Vả lại sao lại bỏ. Người ta cứ đinh ninh rằng những tiếng như *cảm động, ái-ân, triết-học* là của Tàu nhưng như hai tiếng 哲學 (triết học) người Tàu đọc là *tché hio* ta có đọc như họ đâu. Ta lấy những tiếng tàu vào, nhưng với những tiếng ấy tiếng ta có bị lai đâu ; tôi tưởng một câu trong có một tiếng *triết - học, ân - ái, cảm-động*, không vì những tiếng ấy mà không có tính-cách Việt-Nam. Một tiếng hán sang đến ta đã trở nên một tiếng có nghĩa của chữ hán nhưng có cái bề ngoài và giọng đọc hoàn toàn việt-nam. Lại có cái lợi là tiếng *hán việt* thường nghĩa rất gọn, dùng để dịch tiếng ngoại quốc rất tiện. Một lần nữa tôi trở lại với thí dụ : dịch danh từ *agent* của Pháp : cái nguyên *nhân* đã làm cho có sự hành-*động* sự *động* tác mà dịch là *động-nhân* thì không có gì tiện bằng. Tôi có thể kể hàng trăm hàng nghìn thí dụ khác chắp theo phương pháp ấy.

Như trên tôi đã nói, ta có thể dùng những tiếng ta để dịch những tiếng về triết học, nhưng dịch bằng tiếng ta có nhiều sự bất lợi. Tôi kể thêm một thí dụ nữa : Danh từ « *le moi* » của Pháp, tôi vẫn thấy dịch là « *cái tôi* », tôi đã từng được thấy người ta viết : « cái tôi là đáng ghét » (le moi est haïssable), nghe lâu quen cũng xuôi ; ít khi tôi thấy người ta dịch là *bản ngã* tuy « *cái tôi* » với « *bản ngã* » nghĩa cũng *gần* giống nhau.

Bây giờ ta có thể để « *cái tôi* » trong chuyên ngữ của chúng ta nhưng dịch *le moi* là *cái tôi* còn *le* « *non-moi* » thì dịch thế nào ? tất phải dịch bằng « *cái không tôi* ». Có lẽ là do một thói quen, tôi tưởng trong khi đàm luận về triết học mà nghe người ta nói « *cái không tôi* » vẫn không thuận bằng nghe người ta nói « *phi-ngã* ».

Vì vậy dù tôi biết rằng dịch « *le moi* », *bản ngã* và « *le non-moi* », *phi ngã* là cầu kỳ và không được thuần an-nam nhưng tôi vẫn ước ao được dịch như thế.

Và có khi cái thói quen đã đưa chúng tôi đến cái thái cực là ước ao nếu không phải tất cả thì ít nhất là phần lớn cái chuyên ngữ triết học của ta phải bằng tiếng *hán-việt*.

Rồi đây chúng tôi sẽ xin đem đăng « cái chuyên ngữ » của chúng tôi theo thứ tự a, b, c, mục đích không phải để đề nghị một chuyên ngữ có thể dùng ngay được mà để đem chất chính cùng các bậc cao minh trong học giới.

LÊ-THA

TÔN GIÁO NƯỚC NAM

(Tiếp theo) Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tôi dịch chuyện An-Tiêm trong *Lĩnh-Nam trích-quái* (số sách Bác-cổ A 1549, tờ 13 b) như sau này:

« Chuyện Tây-qua (dưa tây). Xưa đời Hùng-vương có tên Mai An-Tiêm là người ngoại-quốc, năm lên bảy, thuyền buôn đem lại: Hùng-vương mua làm đứa ở. Đến khi lớn, diện-mạo đoan-chính, lại có khiếu nhớ lâu. Hùng-vương đặt tên là Yền, tên tự là An-Tiêm, lấy vợ cho, sinh được con giai. Vua yêu, dùng ra làm quan, dần dần giàu sang, người đều sợ phục, đem của đến cầu cạnh rất đông, không thiếu vật gì. Bấy giờ An-Tiêm mới sinh lòng kiêu-ngạo, thường nói rằng: « Những vật ấy đều là những vật tiền-định cho thân ta » (chữ nho là: Đô thị ngã tiền-thân chi vật). Không hề ngó đến ơn vua. Vua nghe tiếng giận lắm, nói rằng: « Làm tôi-con người ta, không biết ơn chủ, sinh lòng kiêu-ngạo, vật gì cũng bảo là tiền-thân; nay hãy đem ra chỗ bờ bể không có người, xem còn có vật tiền-thân nữa không? » Vua mới đầy Mai-Yền ra bãi cát ngoài cửa bể Nga-sơn, bốn bề không có dấu chân người đến, để cho lương an chỉ đủ bốn năm tháng, có ý là ăn hết chỗ lương ấy rồi chết đói. Người vợ khóc lóc nói rằng: « Chúng ta [illegible]i chết ở chỗ đất này mất, không [illegible]ề sống được! » An-Tiêm nói [illegible]ng: « Giời đã sinh, giời lại nuôi, [illegible]ng chết ở giời: ta có lo gì! » [illegible]ằng bao lâu, — lúc ấy là tháng [illegible]r, — tự-nhiên thấy một con quạ trắng (bạch nha) bay từ phương tây lại, đậu ở sườn núi, kêu ba bốn tiếng, thấy sáu bảy hột dưa rơi xuống bãi cát, sau nảy mầm mọc lên, dây lá xanh tốt, rụng hoa kết quả rất nhiều. An-Tiêm mừng, nói rằng: « Đây không phải là quái vật! Chính là giời nuôi ta đó! » Nói rồi, cắt ăn, vị mát và ngọt, khoan-khoái tinh-thần, đem ra gây giống, mỗi năm mỗi nhiều, đến nỗi ăn không hết, đem đổi lấy thóc gạo để nuôi vợ con. Nhưng không biết tên, nhân chim từ phương tây bay lại nên gọi là « Tây-qua » (dưa tây). Người đánh cá và người buôn bán, ai ai cũng thích, đem đồ cần dùng đến đổi; dân xa gần, ở rừng-rú đều tranh nhau mua hột bắt-chước gây giống khắp cả bốn phương. Dân-gian bấy giờ tôn An-Tiêm làm « Tây-qua phụ-mẫu ». Về sau Hùng-vương nhớ đến, sai người đến chỗ An-Tiêm ở, hỏi xem còn không. Người ấy về tâu vua. Vua thở dài hồi lâu, nói rằng: « Nó nói cái gì cũng là vật tiền-thân, thật không sai ». Vua mới vời về, lại cho làm quan, cho phép dùng tỳ-thiếp, đặt tên chỗ ở là « An-tiêm sa châu » (bãi cát An-Tiêm) đặt tên thôn là Mai-An. Đến nay còn tục lấy « dưa tây » (tức dưa đỏ) cúng tổ-tiên: ấy bắt đầu từ An-Tiêm đó ».

Cứ xem truyện An-Tiêm mỗi người chép một khác, cũng đủ biết rằng cần phải chua rõ xuất-xứ ở đâu, thì mới biết cái giá-trị câu chuyện là thế nào. Nếu không thế, thì cứ gán thuyết này sang thuyết khác, gọi thuyết nọ là thuyết kia, không tài nào kiểm-điểm được. Ông Nguyễn Sĩ-Đạo cho truyện An-Tiêm là thuyết nhân-quả, có lẽ tại ông dịch nhầm câu của An-Tiêm thường nói: « Đô thị ngã tiền-thân chi vật », nghĩa là những của ta dùng đều đã định sẵn. Ông dịch là « những của cải ta hưởng đời nay là những công quả của ta ở đời trước cả » (trang 13), nên mới nhầm ra nghĩa nhân-quả.

Giá ông lấy điển-tích sách nho chép theo lối sách tây, như quyển *Histoire de la philosophie orientale* của ông René Grousset, thì cuốn *Đại-Việt triết-học lịch-sử* của ông sẽ được giá-trị nhiều lắm, và đỡ thiếu những chữ sau này:

Trang 21 ông chép tên đức Khổng-tử là « Khâu »: tự-điển Tàu chua chữ ấy là « vần vưu, ưu thiết », vậy phải đọc là « Khưu »; người mình đọc là « Khâu » hay Kheo » là vì muốn kiêng tên đức Khổng; nhưng trong quyển lịch-sử nên chua cho rõ.

Trang 22, lục kinh là Thi, Thư, Dịch, Xuân-thu, Lễ và Nhạc; nên chua thêm rằng kinh Nhạc mất từ đời Tần, cho nên khi đức Khổng-tử sửa lại chỉ còn năm kinh mà thôi.

Trang 34, những truyện nước ta, như truyện ông Chu-văn-An thì sơ lược quá. Ông Chu-văn-An của thuyết « cùng lý, chính tâm, tịch tà (ông Nguyễn Sĩ-Đạo chép nhầm là trừ tà), cự bí », nghĩa là hiểu thấu lẽ giời, chính lòng mình, khước lời tà, chống thuyết bất-chính. Tôi theo sách *Lịch-triều hiến-chương* và *Chu Văn-Trinh hành-trạng* (sách viết bằng chữ nho của trường Bác-cổ số A 1332, tờ 9 a) lược dịch như sau này:

« Ông họ Chu, tên húy là An, người đời Trần (quê ở Văn-thôn, xã Quang liệt, huyện Thanh-đàm (nay là Thanh-trì, tỉnh Hà-đông). Tính cương-trực, nết giữ gìn, không cầu lợi đạt, ham đọc sách, học-nghiệp tinh thuần, cốt làm rõ-rệt đạo nho, khước bỏ tà-thuyết. Ông có chép bộ *Tứ-thư thuyết-ước*, sách ấy không còn; nhưng cái đạo-đức của ông khi bình-sinh đến nay hãy còn tưởng-tượng được. « Thôn ông ở giáp với xã Cung-hoàng; ông làm một cái nhà học ở giữa gò lớn phía trước là nước đầm. Ông có cái thú « phong, dục, vịnh, qui », giảng sách dạy học-trò: sĩ-tử có người cách xa một trăm dặm cũng đến, được thành-tựu rất nhiều.

« Học-trò ông thường được dự ngôi chính-phủ, như Phạm-sư-Mạnh, Lê-bá-Quát, làm đến chức hành-khiển, mà vẫn giữ lễ đệ-tử, thỉnh-thoảng đến vấn-an, lạy ở trước giường, được cùng ông nói chuyện, lấy làm mừng lắm, nếu có điều gì bất-thiện, thì ông mắng thậm tệ có khi đuổi không cho đến: ấy sư-đạo tôn-nghiêm như thế. Ông Lê-bá-Quát và ông Phạm-sư-Mạnh là người hiền-đạt nhất trong học-trò ông, thường làm những bài chê đạo Phật, bác quái-kỳ, để rộng thêm cái học-thuyết của thày.

« Trong năm Khai-thái (1324-1329) vua Trần Minh-tôn vời ông Chu-văn-An làm Quốc-tử-Giám tư-nghiệp, dạy thái-tử học: sư-đạo càng tôn. Đến đời Trần Dụ-tôn (1341-1369) chễ biếng chính-sự, quyền-thần phần nhiều vô phép, ông Chu-văn-An can không nghe, ông dâng sớ xin chém bảy người nịnh-thần đều là người quyền-thế cả: người hấy giờ gọi là « thất trảm sớ ». Sớ dâng vào, vua không giả lời, ông bèn treo mũ về quê.

« Nhân dạo chơi vùng Đông đến huyện Chí-linh, yêu sơn thủy xã Kiệt-đặc: chỗ ấy 72 ngọn núi đi quanh quất, trông rất đẹp, tả là núi Kỳ-lân, hữu là núi Phượng-hoàng... Ông Chu-văn-An làm nhà ở đấy, tự hiệu là Tiều-ẩn, nghĩa là người ẩn nơi kiếm củi, có tập thơ *Tiều ẩn* lưu-hành đời bấy giờ.

« Vua Dụ-tôn muốn giao cho chính-sự, ông từ chối không nhận. Bà Hiến-từ thái-hoàng thái-hậu nói rằng: « Kẻ sĩ thanh-tu, đấng Thiên-tử dùng làm tôi còn không được, huống chi lại giao cho chính-sự được ư? » Vua sai nội-thần đem cho y-phục, ông bái tạ xong, cho người khác: thiên-hạ đều khen cái phong-độ của ông là cao.

« Vua Dụ-tôn mất (1369), Dương-Nhật-Lễ tiếm ngôi, dòng-dõi nhà Trần sắp đứt. Đến khi vua Nghệ-tôn (1370-1372) phục quốc, ông mừng lắm, chống gậy lên yết-kiến, nhưng không nhận chức tước gì, lại xin về. Vua hậu lễ đưa về.

« Cách ít lâu ông mất ở nhà. Vua Nghệ-tôn sai quan dụ tế, cho tên thụy là Văn-Trinh. Ông lại có hiệu là Khang-tiết tiên-sinh, để ví với ông Thiệu-tử.

« Được tòng tự ở hữu-vu nhà Văn-miếu, từ đời Trần đến đời Lê (1371-1778); đời Tây-sơn bỏ (1778-1802). Đến năm Minh-mạng thứ 18 (1837), bộ Lễ bàn định về việc thờ cúng Văn-miếu, lại để ông tòng tự tả-vu: bài vị ông liền với tiên nho Triệu-tử-Phục. Còn các bậc văn-học đời Trần đời Lê khó ai ví được... »

(*Hết*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN

Thống chế Pétain đã nói:

« Đợi khi nước Pháp thoát khỏi mọi sự bó buộc về chiến tranh, thì chỉ có oai-lực mới có thể phá đổ những đặc quyền và thực hiện chương-trình xây dựng xã-hội mà Bản-chức đã phác ra ».

MÙA THI ĐÃ TỚI

* *Bạn nào có con em thi SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC thì nên cho dùng:*

Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-lược
hai ông Dương-quảng-Hàm và Dương-tụ-Quán in lại lần thứ 8 — Giá 0$75 — Cước 0$20.

Bạn nào có con em thi **Certificat** *thì cho dùng:*

Cent Rédactions corrigées
hai ông Trần-huy-Cơ và Nguyễn huy-Hoàng, in lại lần thứ 2 — Giá 0$85 — Cước 0$20.

Recueil de Dictées
Dương-q-Hàm, in lần thứ 3, giá 1$20, cước 0$30

Đề cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY,
195 Hàng Bông — HANOI

Kịch dài bằng thơ

Phạm-Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng-sĩ » tiểu thuyết của Khái-Hưng

PHAN-KHẮC-KHOAN

« Đi bắt bóng một ngôi sao hùng vĩ
Ta đã lầm lạc tới suối Yêu-đương »

(*Phan-khắc-Khoan*
— **Phạm-Thái**)

Âu yếm và bùi ngùi tặng tất cả những Quỳnh-Như của những chàng Phạm-Thái

TRÌNH BÀY (Dàn kịch)

(Lời chua trước: Vua Lê Chiêu-Thống bị thua chạy sang Tàu, bà Hoàng-phi chạy theo không kịp, bị thất lạc. Một đảng trung-thần nghĩa-sĩ lo việc hưng-phục lại triều Lê... trong bọn có một thiếu-niên anh-hùng kiêm thi-sĩ...)

Lớp thứ nhất

(*Đảng Tiêu-sơn thành lập*)

Quang-Ngọc giết vị sư chùa Tiêu-sơn, cứu được một người thiếu-nữ: Người đó là Nhị-Nương, rồi Quang-Ngọc nghiễm nhiên đóng vai sư cụ. Phạm-Thái định vào giết nhà sư Tiêu-sơn để chiếm cứ ngôi chùa. Nhưng không xong, sau mới biết người ấy lại là Quang-Ngọc.

Lớp thứ hai

(*Việc cứu bà Hoàng-phi*)

Quang-Ngọc, Phạm-Thái, Nhị-Nương kết đảng rồi cứu được bà Hoàng-phi thoát nạn, trong khi vua Lê Chiêu-Thống và Hoàng-tử đã thăng-hà ở bên Tàu.

Lớp thứ ba

(*Bà Hoàng-phi lên xứ Lạng*)

Phạm-Thái, Nhị-Nương đưa bà Hoàng-phi lên Lạng-sơn, gặp Thanh-xuyên-hầu, nhưng được ít lâu Thanh-xuyên-hầu bị đầu độc. Thất-vọng, bà Hoàng-phi và Nhị-Nương trở về Kinh-bắc, trong lúc Phạm-Thái bùi ngùi đưa linh-cữu của Thanh-xuyên-hầu về trấn Sơn-nam. (1)

Lớp đáo đầu

I

Trước khi màn mở, ở phía trong vẳng đưa ra một khúc hát Chinh-phụ, lối ru em.

Lối hát — (Dọng đàn-bà)

« Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt
Xếp bút nghiên, theo việc đao cung
Thành liền mong tiến bệ rồng
Thước gươm thề quyết chẳng dong giặc trời
Chí làm trai dặm nghìn da ngựa
Gieo Thái-sơn nhẹ tựa hồng-mao
Dã nhà đeo bức chiến bào
Thét roi cầu Vị ào ào gió thu...»

(Chinh phụ ngâm dịch, Đoàn-thị-Điểm)

Người hát nghỉ vài phút, rồi bắt sang giọng khác não nùng hơn.

« Thủa trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên.
Xanh kia thăm thẳm từng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này... »

Tiếng hát nhỏ dần, rồi nổi lên một điệu hát khác mạnh mẽ và hùng dũng: điệu Tráng-sĩ. Tiếng hát một lúc một rõ; người mại võ hát xong một lần, mới hiện ra, vừa múa gươm vừa hát lại (múa từ trong màn trước khi ra sân khấu)

Người mại võ

(Điệu Tráng-sĩ)

Ta tráng sĩ chừ, gặp thời loạn lạc
Như cá gặp nước chừ ta vẫy vùng
Bỏ bút nghiên chừ, toàn đồ vô dụng
Một ngựa một gươm chừ, một cây cung
Với lòng dũng cảm chừ với chí lớn
Ta xông xáo chừ trong đám mông lung
Chiếc chiến bào của ta chừ đẫm máu
Bên lai ta chừ, súng nổ đi đùng
Ta tráng sĩ chừ vào trong trận địa
Như cá gặp nước chừ, ta vẫy vùng...

Xong một lần, người mại võ vào, vẫn cứ điệu hát và nhịp múa gươm ấy tiếng hát một lúc một xa, rồi im lặng... Đoạn ở trong nổi lên một bài hát khác: bài «Giới thiệu» (2) như lối «dẫn tích» trong chèo cổ Việt-Nam. Người giới-thiệu ngâm xong bốn câu thơ đầu rồi mới ra sân khấu.

Người giới thiệu

Hóa nhi sao khéo nỡ lòng,
Quen thói ghen trêu khách má hồng!
Đã bảo gian nguy ghìm tráng sĩ,
Lại đem son phấn cợt anh-hùng!
Hóa nhi sao khéo nỡ lòng
Hãm người luôn mãi trong vòng lao đao
Đi bắt bóng ngôi sao hùng-vĩ,
Lạc miền say tục lụy yêu-đương.
Khiến lòng tráng-sĩ mười phương
Cuồng điên rộn với sầu thương khôn cùng.
Chàng tráng-sĩ vốn dòng họ Phạm,
Tuổi còn xuân, chẳng hám công danh.
Ơn dày nối nghiệp công-khanh,
Thù nhà nợ nước hai tình vẫn vương.
Vua trôi dạt, xót thương lỡ bước,
Cha ngậm ngùi, mệnh thác gươm oan.
Chim thiêng chí cả băng ngàn,
Tuốt gươm thề quyết dẹp tan hận thù.
Chiếc kiêu mã tung mù, gió bụi,
Lưỡi gian nguy thoát cởi bao lần.
Cà sa áo nhuộm phong trần,
Vào: tay cung kiếm; ra: chân tu hành...
Chỉ những quyết « liên thành dâng hiến »
Cờ phục-hưng sắc biến ai ngờ.
Thương ôi, cả một cơ đồ:
Tiếc thương vận lỡ, ngẩn ngơ mộng tàn.
Suối vàng bóng long nhan khuất, rủ
Dặm trường xa, đảng cũ tiêu tan,
Nam-nhi khát mộng bàn hoàn,
Đã xuôi mộng ấy, phải toan mộng nào!
Bùa giải muộn: ngạt ngào sắc thắm
Thuốc tiêu sầu: vẻ gấm lâng lâng
Khi say cung kiếm khua rừng,
Chừ mê trăng sáng, hoa lừng ngát hương
Thuyền tới bến yêu đương ghé lại,
Tạm nguôi yên hồ hải cuồng ba.
Nhưng! giăng chưa tỏ đã tà,
Hoa chưa thắm sắc đã sa nhánh sầu!
Đường một quãng hai cầu lỡ nhịp,
Trót mê man nửa kiếp giang-hồ,
Đã tan cả một cơ đồ,
Ái-ân buồn lại ngẩn ngơ mộng tàn,
Đoái cơ-nghiệp hai bàn tay trắng,
Ngậm đời xuân cay đắng nỗi lòng.
Trời cao xanh, đất mênh mông,
Ai tri-kỷ với... ai cùng tri-âm?
Thơ một túi, câu tâm sự gió
Rượu lưng bầu, duyên cỏ kim mây.
Xưa cung kiếm rộn cuồng say,
Chừ tay cần trúc, chừ tay mái chèo.
Mùi phú quý mây vào đỉnh núi
Áng công danh, bọt nổi ven ghềnh,
Một thuyền nan nhẹ lênh đênh
Một lòng ưu hận buồn tênh sự đời
Đã khuất bóng sao tươi hùng vĩ,
Lại lạt nồng hương vị yêu đương.
Sầu vương vương, sầu vương vương
Cuồng điên nhóm mãi, tiếc thương khôn cùng.
Hóa nhi sao khéo nỡ lòng,
Quen thói ghen trêu khách má hồng.
Đã bực gian nguy ghìm tráng-sĩ,
Lại đem son phấn cợt anh hùng.

(Bốn câu này cũng ngâm ở trong màn, khi người giới-thiệu đã trở vào).

(*Còn nữa*)

PHAN-KHẮC-KHO

---

(1) Sẽ có bài nói về cách cảnh » (lối mới lạ) và cách kịch » ở cuối vở.

(2) Lời giới thiệu có thể đọc trong màn cũng được).

LƯỢC XÉT NGUYÊN-NHÂN SỰ BẠI-VONG CỦA

NƯỚC CHIÊM-THÀNH

VÀ NHỮNG ẢNH-HƯỞNG CỦA NGƯỜI CHIÊM MÀ DÂN-TỘC TA ĐÃ CHỊU

Số 3

Mẫn-khánh DƯƠNG-KỲ

Vả chăng, ở xứ Viễn-đông của chúng ta đời xưa, thường có những cuộc chém giết rất tàn-khốc, sau khi hạ được một thành, hoặc đánh hơn một trận. Đó là chưa kể khi hơn được Chiêm-thành, ta thường hay bắt về hàng vạn dân Chiêm, cho đi lập làng ở rải-rác trong nước. Còn ruộng đất của họ thì ta thẳng tay chiếm lấy, làm của sở-hữu của mình.

Mà dân Chiêm-thành xem chừng như ít muốn thân-thiện, ít muốn ăn-ở chung-lộn với dân ta. Sau khi đào thấy trong hòn độn ở Trà-kiệu (Quảng-nam) những di-tích của thành Sinphapura xưa, có người bảo rằng, trước khi rút đi, người Chiêm đã lấy đất đắp các đền-đài lại. Điều ấy cũng lạ thực, vì trong lúc nguy-cấp của cảnh nước mất nhà tan, thì lo bảo-toàn nhân-dân là cốt-yếu, có đâu nghĩ đến việc un đất các đền-đài, mà un làm sao cho kịp ? Dù sao đi nữa, đó cũng là dư-hưởng của việc dân Chiêm-thành ít ưa ở gần dân Việt-Nam. Đã không ưa thân-thiện, họ yếu thì họ chết, đó là lẽ dĩ-nhiên.

***

Trong cuộc xung-đột Chiêm Việt, nhận của họ, những lát gươm harich », (1) nhưng mũi tên ốc độc đã đành, nhưng cũng ng khỏi nhận thêm những ảnh-ng rất sâu-xa về nhiều phương n.

Ảnh-hưởng về tín-ngưỡng. — Nhan-nhản trong thôn-quê ta, tại những chỗ hồi xưa có người Chiêm ở, người mình thường hay đem những tượng của người Chiêm để vào miếu mà cúng thờ. Phần nhiều thì ta không hiểu là thần gì (rồi bảo là ông dàng, bà dàng); nhưng có lúc ta nhận hẳn một thần Chiêm mà sùng-bái rất kính-cẩn. Tôi muốn nói đến thần nữ Pô Yno Nogar, hiện nay ta thờ ở Điện Hòn-Chén (Thừa-thiên) cùng ở Đền Pô Na-gar (Khánh-Hòa), mà ta quen gọi là Thiên-Y-A-Na thần-nữ hay Đức-Mẹ. Đã có nhà thi-sỹ đặt một bài « chầu văn » kể công đức của Thần-nữ. Bài chầu văn ấy để thờ tại Đền Pô-Nagar, khi nào cúng thì người ta đem ra tụng. Trong miền Nam xứ Trung-kỳ, cũng có người mình theo đạo « Đức-Mẹ » ; khi cúng cũng đọc tiếng Hời, cũng vẽ bùa như đạo sỹ Hời vậy. Vả-lại cách lên-đồng của ta vào trong nầy cũng Chiêm-hóa ít nhiều. Khi ta thấy đàn-bà an-nam lên đồng, thường nói đến những tiếng Hời, tiếng mọi, ta không khỏi so-sánh họ với các nữ đạo-sỹ chiêm pija.

Ảnh-hưởng về ngôn-ngữ. — Trong ngôn-ngữ ta, có tiếng mượn của người Chiêm-thành. Ngoài những câu chú, những đoạn chầu văn bằng tiếng Hời, và những tên đất do tiếng nầy biến ra (như Phan-rang, Phan-rý, Phan-thiết, Nha-trang vân vân, mà người Chàm gọi là Panran, Parik, Man-thít, Yjatrang, vân vân...), thì trong tiếng nói thường người mình cũng có mượn của người Chiêm. Ví-dụ như trong Nam, người mình gọi chiếc nhẫn là cà-rá, chữ này do chữ « karàk » của người Hời mà ra. Chữ « dàng » trong các tiếng « ông dàng », « bà dàng », « gò dàng », lại do tiếng Chiêm « yan » mà ra. Yan nghĩa là linh-thiêng (sacré).

Ảnh-hưởng về mỹ-thuật. — Những tháp Hời hiện còn lại, tuy theo con mắt nhà kiến trúc-sư đời nay, thì không khỏi có những chỗ hở, nhưng kể về thời bấy giờ, vật liệu chỉ có đất nung ra gạch, thảng-hoặc cũng có đá, nhưng chỉ để vào các chỗ cần thôi : như trên cửa ra vào, ở góc mà đã xây được đẹp như thế, tưởng cũng đã giỏi lắm rồi. Quan-niệm cái đẹp trong những hàng cột cân-đối, khoan-thai đuổi nhau (Pô-Nagar), trong những đường song hàng nhịp-nhàng uyển-chuyển ở mặt tường, góc tháp (Mỹ-Sơn) gây cho khách du ngoạn những cảm giác là-lạ, say-sưa, nhất là khi mấy tháp ấy lại ở vào những xứ, mà tại đó nhan-nhản ta chỉ thấy, nếu không chòi tranh lúp-túp, thì lại là những ngôi đình, chùa, nhà ngói làm theo kiểu tàu nặng-nề, mệt-nhọc, đỡ mái không nổi để bốn góc uốn cong lên trời, hoặc là, tệ hơn nữa, chỉ thấy những cái nhà giở tây giở tàu, lủng-ca lủng-

củng. Còn về nghề chạm đá, thì người Hời đã hơn ta nhiều: làm sao mà ta không tấm tắc ngợi khen khi đứng trước những vũ-nữ thân-hình nõn-nà, cân đối, mảnh-dẻ, với những cặp vú mum-múp, tròn-trịnh, xinh tươi?

Những cảm giác, so sánh ấy, chắc người mình đời xưa cũng có, nên không khỏi bắt chước người Chiêm-thành, nhất là về nghề chạm. Chúng tôi đã đi đến mộ Chế Đại Lang (ở Vân-thê, Thừa-thiên): những đường chạm cân đối ở cái khám trong đó có dựng bia, thì thực là « chàm » quá.

Con rồng của ta đã chịu rất sâu xa ảnh hưởng con « makara » của người Chiêm-thành. Makara là con rắn biển, có vòi, mồm ngậm ngọc mà người Chiêm-thành thường chạm ở tháp, đền, như ở tháp Mầm chẳng hạn.

Theo Gilberte de Coral-Résumat, (2) thì « mặt rồng » của ta thường chạm trên cửa đã bị ảnh-hưởng cái « kala » đi từ Java, đến Chân-lạp, rồi đến Chiêm-thành. Kala là một cái đầu thú, có hai tay người nắm thòng xuống dưới mồm một cái vòng, vòng lại có đầu rắn « naga ». Nhà thông-thái ấy lại bảo rằng « mặt rồng » và những con rồng chạm trên cái kiệu ở Đình-bảng tuy là kiểu Hoa-Việt thực đấy, nhưng những nhà chuyên về Ấn-độ học, không khỏi so sánh với kiểu kala và makara...» của người Chiêm-thành. Âm nhạc ta có lẽ đã chịu ảnh-hưởng của âm-nhạc trầm bi, oán vọng của người Chiêm thành, nhất là trong các bài Nam mà thường nghe ca ở Huế. Đó cũng là ý-kiến của ông Đào-duy-Anh (3) và ông cắt nghĩa thêm rằng về đời Lý, ở Bắc đã đặt những khúc hát theo giọng Chiêm thành. Chúng tôi ước mong có một nhạc-sỹ nước nhà, để tâm khảo-cứu các điệu ai oán, thổn-thức của đàn « kuni-kura », (4) của địch « saranai », (5) ngõ-hầu tìm ra cho rõ ràng trong các điệu ấy, những chỗ giống nhau với âm nhạc ta.

Ảnh-hưởng về luật-lệ.—Nhưng có lẽ ảnh-hưởng dân-tộc ta đã chịu sâu-xa nhất của người Chiêm thành là ảnh hưởng của luật-lệ.

Là một dân-tộc thích chài lưới, đi viễn-chinh, người đàn ông Chiêm ít khi ở nhà; bao nhiêu quyền bính trong gia đình đều vào tay người mẹ, người đàn bà cả. Nước Chiêm-thành đã sống dưới chế độ mẫu-hệ, gia-đình Chiêm-thành là một gia đình trọng nữ. Dân tộc Việt-nam ta xưa lại khác hẳn thế. Hấp thụ rất sâu-xa văn-minh Tàu, nước ta hồi bấy giờ đã sống dưới một chế-độ phụ-quyền chắc chắn, mà gia đình của ta lại tổ chức theo gia đình trọng-nam. Chế độ phụ-quyền ở Tàu sang xã-hội Việt-Nam được hoàn-cảnh rất thuận-tiện: xã-hội ta lấy nghề nông làm gốc. Người đàn ông trồng trọt mảnh vườn mình, cày cấy đám ruộng ở làng mình, thường ở nhà luôn, bao nhiêu quyền bính đều thu vào tay cả, người đàn bà đã trọn đời bị liệt vào hạng « người không có tư-cách tự trị » (6) (incapables).

Nhưng luật trọng nam nghiêm khắc của ta, sau khi gặp luật trọng-nữ đáng yêu của dân Chiêm thành, thì đã biến thành một thứ luật thừa nhận nam nữ bình quyền, không khác gì luật hiện-hành bên Pháp. Chúng tôi muốn nói đến bộ luật nhà Lê, « Lê-triều Hình-luật », là bộ luật rất có giá-trị của nước ta. Bộ luật ấy đã làm vào khoảng 1428-1786, nghĩa là trong và sau lúc ta gần gũi dân Chiêm-thành nhất, đến nỗi diệt vong được dân-tộc ấy. Luật ý của bộ luật Hồng-Đức chắc đã chiếm một phần lớn trong bộ « Lê-Triều Hình-Luật » đã nói trên.

Trong luật Lê, đàn bà Việt-Nam được địa-vị ngang với đàn ông. Ví dụ: con gái có quyền hưởng gia-tài như con trai, vợ được quyền có của riêng, được tham-dự vào

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN

MỘT DANH-TỪ, MỘT THÀNH-NGỮ, MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỰ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xá

Đón coi: tập SỬ-HỌC của cụ Lại Bộ PHẠM-QUỲNH

việc quản-trị và việc sử-dụng động-sản, bất-động-sản của gia-đình, và khi vợ hoặc chồng chết thì gia-tài phải chia ngay. Ta hãy xem một đoạn này trong khoản ba chương « thỉ tăng điền sản » của bộ « Lê Triều Hình-Luật » (7)...«Khi người vợ chết, của cải của người ấy phải chia làm ba phần, hai phần về chồng, còn một phần về gia đình người vợ. Nếu như người vợ còn cha mẹ, thì của-cải ấy phải chia hai, một phần về cha mẹ người vợ, một phần về người chồng. Phần của chồng, chỉ cho ăn một đời, chứ không được làm của riêng. Nếu người chồng chết, thì người vợ cũng phải theo cách ấy mà chia gia-tài... » Trong suốt ba khoản 1, 2, 3 của chương ấy, ta thấy cùng một ý nam nữ bình-quyền như thế.

Còn trong luật Hồng đức (8) thì ta lại thấy con gái cũng được giữ phần hương-hỏa, nghĩa là cũng được cúng giỗ như con trai.

Một điều là ta phải ngạc nhiên là, tuy làm sau luật Lê, luật Gia-long lại phục chế-độ phụ-quyền, trọng-nam, một cách độc-đoán. Luật Gia-long đã nhắm mắt mà theo luật Mãn-thanh, không kể gì đến tục lệ dân Việt-Nam vậy. Vì thế nên, trước khi ban-bố luật mới, từ lúc nước Pháp qua đây đến giờ, các điều-khoản quá nghiêm-khắc với đàn bà của luật Gia-long, cũng không được thi-hành bao-lăm; có lúc tòa án đã viện đến tục-lệ và luật Lê mà phán-đoán, như ở trong Nam kỳ (9). Ngoài các ảnh-hưởng nói trên người Việt-Nam lại chịu ảnh-hưởng của dân Chiêm-thành *về chất nữa*. Điều đó cũng dễ hiểu, vì trong dân gian ta, nhất là các tỉnh vốn đất cũ của Chiêm-thành hiện còn có người giữ họ Hời, như họ Trà, họ Chế v. v... Giống Nam Mông-cổ (Mongolique méridional) từ Bắc tiến dần vào Nam đã bớt « mông-cổ » vì chịu nhiều ảnh-hưởng (con mắt ít xếch, nét mặt bớt thô v.v...), mà trong đó tất nhiên là phải có ảnh hưởng của dân Chiêm-thành.

***

Một dân-tộc khi xưa hùng-cường như thế, đã để lại nhiều vết-tích rất sau-xa trong dân-tộc ta, mà hiện nay còn gì ? Những cái tháp ngày đêm khóc rơi từng viên gạch trên go vắng vẻ (Bình-định), trong thung-lũng hoang-vu (Mỹ-sơn), một ít xác thành đứt, nối, quằn quại trong bụi rậm um tùm (thành Lồi ở Huế, ở Quảng-bình, thành Chà-bàn ở Bình-định v.v...) và năm ba vạn người sống rải-rác, không tương-lai, không chí-hướng, ở miền Nam xứ Trung-kỳ, ở Nam-kỳ, và Cao-man ! Trước cảnh dâu bể quá đau thương như thế, làm sao mà ta khỏi ngậm-ngùi thương tiếc dân Chiêm-thành, nhất là khi ta nghe họ buồn thảm hát những khúc ảo-não như trách-móc, như oán-hờn, đại để như câu này mà chúng tôi trích dịch trong bài ca vong-quốc của họ :

« Còn vua, dân Việt tươi-cười,
Người Chiêm côi-cút, khổ đời nào thôi ! » (10)

(Hết)

Mãn-Khánh DƯƠNG-KỲ

1) Thanh gươm lưỡi ngắn-ngẻo, vua tôi Chiêm-thành đời xưa dùng. Cô Madelaine Colani viết : « Kris » (Essai d'ethnographie comparée, B. E. F. E. O. tome XXXVI fasc. 2). Nhưng theo lời chỉ-giáo của ông Quảng-Đại-Minh, tri-huyện Chàm ở An-phước, chúng tôi xin viết « cha-rích », cho đúng với tiếng chàm. Xin cảm tạ quan huyện chàm.

2) B. E. F. E. O. tome XXXVI — 1936 fasc. 2.

3) Việt-nam văn-hóa sử-cương trang 208, 209.

4) Tương-tợ như dân nhị của ta.

5) ống địch có 7 lỗ.

6) Đó là chúng ôi dịch theo Hộ-luật Trung-kỳ Hộ-luật Bắc-kỳ lại dịch là « hạng người vô tư-cách ».

7) Dịch theo sách viết tay, số 266, ở Bảo-Đại thư-viện Huế,

8) « Lê triều-Hồng-đức điền-thổ lệnh-lệ » sách viết tay số 262, ở Bảo-Đại thư viện Huế.

9) Xin lấy hai ví-dụ, trích trong sách : « Régimes matrimoniaux dans le droit annamite » của ông Nguyễn-huy-Lai :

a) một bản án của toà-án Saigon (18/12/1879) xử rằng người vợ khi li-dị được quyền lấy nửa của-cải đã sắm chung cùng chồng.

b) một bản án khác, cũng của toà-án ấy, (24/3/1921) tuyên rằng :

Xét rằng từ lâu tục-lệ đã thừa-nhận người vợ an-nam có quyền có của riêng, nhất là trong trường-hợp người vợ ấy đã được kẻ khác cho, hay đã được hưởng gia-tài ; xét rằng điều ấy đã thấy định trong luật lệ là bộ luật khoan-hồng hơn, hợp với tâm-lý người an-nam hơn bộ luật Gia-long, luật nầy chỉ chép lại một phần lớn luật xưa và vô nhân, đạo của nhà Mãn-thanh ; xét rằng ..... « Muốn rõ hơn về việc nầy, xin độc-giả xem cuốn sách của ông Nguyễn-huy-Lai đã nói trên kia, và cuốn « La mère de famille annamite của ông Lê-văn Hô.

10) Bài hát nầy ông Maybon (Histoire Moderne du pays d'Annam, page 115) đã trích trong một bài diễn thuyết ở bên Pháp (1903). Chúng tôi đã hỏi nhiều người chàm, nhưng vẫn chưa biết được bài ấy nguyên văn thế nào. Mong rằng trong các bạn đọc (nhất là các bạn chàm) ai biết sẵn lòng chỉ-giáo cho. Xin đa tạ trước.

Một buổi đi thăm các lớp học của

Hội Truyền bá Quốc ngữ Hanoi

TÔI vốn yêu chuộng mục-đích Hội Truyền-bá Quốc-ngữ, biết Hội đã làm được rất nhiều việc ích cho những bạn thất học, nhưng từ cái « tai nghe », tôi muốn đến chỗ « mắt thấy ». Bởi vậy tối hôm 27 Avril 1943, tôi đã được nhân-viên trong Hội dẫn đi xem mấy lớp học.

Thoạt tiên, chúng tôi đến xem 6 lớp mở tại khu trường Công-Ích gần chùa Liên-Phái (Bạch-mai). Các trẻ em bắt đầu học quốc ngữ vào lớp này trước để học đọc, học viết, mỗi khóa học từ 3 đến 4 tháng, ai nấy có sách, vở, bút, bảng và phấn do Hội phát không cho. Nhờ được phương pháp dạy học của các giáo viên tận tâm với nghề, nhiều trẻ em học chóng khá lắm.

Trẻ em học lớp này xong, muốn học nữa thì vào học lớp khác, trình độ có cao hơn, nghĩa là có tính đố, luận quốc-văn, v. v... Lớp này cũng học trong 3, 4 tháng. Học trò cần học thêm thì vào lớp thư-viện : sẵn sách báo, muốn xem gì tùy ý, học, hỏi đều có thầy giáo chỉ dẫn. Nhiều khi các ông thầy lại đem chuyện hay tích lạ giảng giải cho các học trò nghe, như thế học trò cũng được mở mang trí tuệ thêm.

Trông các trẻ em ai nấy vui vẻ học hành cũng đủ rõ cái kết quả tốt đẹp của hội T. B. Q. N. Kết quả ấy thực đã không phụ cái công khó nhọc của nhiều nhân viên trong hội, nhất là các nam nữ giáo viên. Có ông đã gắng sức đến nỗi phải thân đi kiếm đất thắp đèn để có ánh sáng dạy học trò. Thực thế, ở những lớp học tại nhà quê (như ở làng Hoàng-mai) không có điện, đáng lẽ chỉ có lớp dạy ban trưa thôi, nhưng dạy ban trưa vào lúc giời hè oi-ả này, học trò ít ỏi, nên hội T. B. Q. N. đã phải cố lo cho có đèn sáng để dạy lớp ban tối.

Ở hai lớp trong trường làng này, học trò phần nhiều đã lớn tuổi nên học chóng biết lắm. Lớp mở từ 4 Avril đến nay mới hơn 20 ngày, học trò đã viết được ám tả, ấy là mỗi ngày được học có 2 giờ, khi ở trường ra còn phải đi làm thuê làm mướn, chứ có thì giờ học thêm ở nhà đâu ! Một ông giáo dạy ở lớp này nói với tôi : có một ông lão đã 45 tuổi, làm nghề nung gạch, thấy mở lớp học, vội vã vào xin học : ông chịu khó và học chóng biết quá. Ông thường vui vẻ thốt : « Tôi dù mai hay kia chết ngay cũng phải học cho biết quốc ngữ đã... » Một câu nói đáng để ý xiết bao !

Đứng ở ngoài hiên trường, tôi đang bàn cách làm sao cho Hội T. B. Q. N. mau được bành-trướng thì những tiếng hát vang của bọn học trò trước khi ra về làm tôi thêm phần cảm-động : Họ hát bài hứa hẹn thôi học rồi sẽ phải chăm khuyên bảo các bà con thân thuộc cùng các người khác cũng nên theo học cho biết quốc ngữ như mình. Có thế, mục-đích Hội mới đạt được. Tôi ước ao rằng ai nấy nên hết sức tán thành Hội T.B.Q.N., giúp hội ấy được nhiều kết-quả bất cứ về phương-diện gì.

KHÁI-SINH

Giới-thiệu

Quán biên thùy của Thao Thao

Sau khi cho ra đời quyển « *Ai bắc* », ông Thao Thao lại mới xuất-bản quyển « *Quán biên thùy* ». Quán biên thùy « là sự-tích Kinh-Kha, nhà hiệp sĩ, hành thích vua Tần ở đời Chiến quốc.

Được ngòi bút linh động của ông Thao Thao, quyển kịch thơ này sẽ hiến các người yêu kịch một lối kịch lịch-sử tương tự như lối kịch của các nhà văn nước Pháp hồi Thế-kỷ thứ 17.

Tôi rất hoan nghênh quyển « *Quán biên thùy* » vì tác giả đã gửi cả tâm-hồn và nghệ thuật trên mấy chục câu thơ, nên vui lòng giới-thiệu với độc giả và mong ông Thao Thao còn xuất bản nhiều tác-phẩm có giá trị hơn. T. Đ.

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànội : *Hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Vân Hòa 29 Maréchal Pétain*
Saigon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

Đính chính

Tri-Tân số 93, trang 8, gi 21 chữ « Mongolokde » sửa « Nam-mông-cổ » (Mongoliq méridional).

Nhơn ngày giỗ thi-sĩ : 18-IV-43

PHI-YẾN (1918 — 1939)

với

Quan-niệm thơ

Có ai thương tiếc đến đời tôi,
Thương tiếc thi văn chửa gặp thời,
Cũng hãy vì người đau khổ cũ
Gạt giòng lệ chảy, gượng cười thôi.

PHI YẾN

(Adieu à la poésie)

ĐỜI ta có những ngày đáng kỷ-niệm. Những ngày ấy, thoạt đến tình-cờ rồi vụt qua lặng lẽ, để lại cõi lòng một ấn-tượng mơ màng. Nhưng sau nầy ấn-tượng mơ màng hóa ra rõ rệt, dấu-vết lờ mờ đượm vẻ thắm tươi. Bấy giờ ta mới nhận thấy những ngày xưa ấy đáng kỷ-niệm, cần chép ghi, song than ôi ! ta hoài công tìm bới trong trí nhớ đoãn-hậu giữa đống kỷ-niệm lờ mờ.

Tôi đang tìm-tòi một ngày đáng kỷ-niệm của đời tôi, của đời Phi-Yến. Có lẽ là ngày của Phi-Yến hơn, một ngày đầu tháng chín năm 1935 mà không nhớ rõ là ngày nào. Là ngày kỷ-nguyên của một đời thơ ngắn ngủi.

Ngày hôm ấy, nơi số 67 bis đường Galliéni ở Cần-thơ, sau nhiều câu chuyện tầm thường, Phi-Yến nhỏ-nhẻ nói với tôi, kín-nhiệm như kể niềm tâm-sự :

—Tôi định đưa thơ của tôi cho u xem.

Tôi hết sức ngạc nhiên và vui ng :

—Em có làm thơ ? Sao tôi ông hay ?

—Ba má tôi cho đến cậu Tám tôi (Phi-Bằng) cũng không hay. Có hai người biết tôi có làm thơ mà thôi. Tôi chỉ đưa thơ cho hai người ấy xem. Bất hạnh cho tôi, hai vị độc-giả của tôi chê thơ của tôi dở lắm. Nay tôi muốn thỉnh-cầu ý-kiến của cậu, một nhà thơ. Nếu cậu đồng ý với họ, tôi sẽ không làm thơ nữa.

Liền đó, Phi-Yến trao cho tôi xem một tập bản thảo. Sau khi xem bài thơ đầu, tôi vỗ vai Phi-Yến nói :

—Ồ thơ em hay lắm ! Tôi cho thơ em hoàn toàn, nếu sửa một ít tiếng khó độc...

Trước lời phẩm bình bất ngờ ấy, Phi-Yến tỏ vẻ nửa mừng nửa nghi, nhưng rồi Phi-Yến trở lại tín-nhiệm tài mình và không ngờ vực tôi, sau khi nghe tôi nói :

—Trong xã hội hay là ở chốn văn-đàn, khi nào tôi cũng thành-thật. Em cứ tin tôi.

Người ta có thể ngạc-nhiên, sự hỏi sao một tài hoa rõ rệt như Phi-Yến mà chẳng tự biết tài mình. Nhưng người ta sẽ hết ngạc nhiên, nếu người ta biết lúc bấy giờ kẻ tài-hoa ấy mới mười bảy tuổi, là tuổi chưa ai tự biết mình.

Những lời phê-bình và khuyến khích của tôi đã giục Phi-Yến trở về với thi thơ và nhơn đó bài thơ đầu tiên *Hoa Rụng Hương Bay* đã gởi đăng ở số 33 trong tuần báo *Đàn Bà Mới* của cô Thụy-An, rồi sau đó, những bài thơ khác nối tiếp nhau ra, được độc-giả hoan-nghinh và được cô Thụy-An với ông Băng-Đương gởi thơ kết giao khen ngợi.

Không may *Đàn Bà Mới* đình bản. Tôi giới thiệu Phi-Yến cho các bạn tôi trong tòa soạn tuần-báo *Nữ-Lưu*. Ở đây, thơ của Phi-Yến được một chỗ vinh-diệu rất xứng đáng. Người ta bắt đầu thưởng thức Phi-Yến ở *Đàn Bà Mới*, người ta đã nhìn-nhận chơn tài của thi-sĩ trong báo *Nữ-Lưu*. Phi-Yến đã được phần đông người trí thức yêu chuộng.

Nhưng lúc bấy giờ (1936) Phi-Yến vẫn chưa biết mình, chưa biết tài mình. Phi-Yến muốn tạo-tác quá sức của mình, trong một thời hạn quá ngắn, muốn viết cho thật nhiều và muốn cho người ta ca tụng lâu dài trong một làng văn chật hẹp. Nguyên nhơn do đường đời chưa trải và làng văn ta bất công.

Thật vậy, từ nhỏ đến giờ, sống êm đềm bên cạnh mẹ cha, Phi-Yến chỉ biết cái hơi ấm áp của ổ chim, chưa hề chịu lạnh lùng của mưa ngàn gió núi, chưa trải thân trong cát xám bụi hồng, chưa biết gây vết thương trong trái tim bạn ngọc, chưa hề lau giọt lụy trên đôi mắt người yêu. Bởi vậy thơ của Phi-Yến ít có tình cảm chơn thành mà trái lại rất giầu tưởng tượng.

Tôi thường nhắc cho Phi-Yến nhớ : thi là tiếng nói của lòng ; thì phải đi đôi với cảm-xúc. Không ai ép lòng cảm động nếu không có căn do, cũng không ai làm thi nếu lòng không lay động. Song bởi

tấm lòng Phi-Yến chưa trải qua những trận giông tố cần ích cho nguồn thơ, nên Phi-Yến phải dùng sức tưởng tượng để cho trái tim hồi hộp, mơ ước vì một vũ-nữ hữu duyên (*Lase-Tseng*), đau thương âm thầm vì một khách qua đường thoáng gặp (*Duyên bèo nước*), tội nghiệp những nàng bạc phận vô duyên (*Đời trụy lạc*) vơ vẩn ngậm ngùi theo những chuyện xưa tích cũ (*Phượng cầu hoàng, Từ-Thức, Adam, Tiếng sáo Côn Linh*) (1). Phải chi thơ của Phi-Yến không bay phơn phớt theo cánh chim tưởng tượng mà trái lại ước gì thơ của Phi-Yến là lời lẽ chơn thành của trái tim dồi dào cảm động thì thơ của Phi-Yến có lẽ đi đến mực rất cao xa nếu không đạt được chỗ hoàn thiện hoàn mỹ.

Phi-Yến đã quá sức ép buộc trái tim. Nhưng ta không được đòi hỏi quá nhiều ở thi-sĩ : bao nhiêu thi nghiệp trong vòng một năm (1935 - 1936) kể cũng dồi dào, đủ làm cho ta yêu mến và công nhận một tài-hoa.

Phi-Yến cùng tôi thường phàn-nàn sự bất công trong làng văn ta, thường trách sao người ta kết bè đảng để ca tụng lẫn nhau, để quảng cáo những ngòi bút thiếu chơn-tài và để đè ép những tài-hoa chánh đáng :

« *Văn nào sản xuất chốn Đông-kinh*
Thi được người khen, kẻ phẩm bình... »

TỐ-PHANG (Qua Đường)

« *Than ôi! nỗi khổ của thi-nhân*
Biết có ai hay giữa bụi trần?
Lầm lủi một mình trong bóng tối.
Đến ngày nằm đất lạnh vùi thân. »

PHI-YẾN (Adieu à la poésie)

Chúng tôi than phiền cái không-khí văn chương ở xứ ta. Người ta không có công tâm, không chịu công bình trong việc định giá các văn nhân và thi-sĩ.

Trong những điều-kiện bất lợi và trước sự bất bình ấy, một đầu óc non trẻ chỉ mới đếm được 18 cái xuân như Phi-Yến tránh sao cho khỏi buồn chán. Tôi hết sức khuyên can, rằng thi-sĩ sở dĩ làm thơ là làm việc cho mình hơn là làm việc cho độc-giả và tiếng tăm nhứt thời chưa chắc là danh vọng ngàn thu.

Nhưng đời đã làm cho Phi-Yến phải tủi phận !

Phi-Yến lại thấy, lúc ấy, thanh-thế của thi văn pháp lấn nhiều hơn thanh-thế của thi văn ta nên càng ngã lòng.

Tôi đã quả quyết nói với Phi-Yến : đó là một tiếng sấm nổ dậy nhứt thời, chỉ có sức động địa kinh thiên trong chớp nhoáng. Rồi đây không-gian sẽ trở nên lặng lẽ êm đềm và tiếng sấm sẽ bặt im trong cõi hư-vô vĩnh viễn.

Tôi khuyên Phi-Yến chớ nên giựt mình trước tiếng sấm vang kia mà vội quăng bỏ cây đờn thi sĩ : tiếng nhạc nhỏ nhẹ mà bền lâu, thỏ thẻ mà thâm trầm, ít oi mà lan rộng.

Nhưng một đàng khác, muốn cho Phi-Yến hiểu được chỗ thuần-túy của thơ, tôi trao cho Phi-Yến xem một quyển thi-nghệ chữ Pháp của A. Dorchain. Đã chán nản vì thiên hạ nguội lạnh với mình, lại càng thêm chán nản hơn vì thi-sĩ chữ pháp có thanh-thế lấn thi-sĩ tiếng ta, Phi-Yến tìm gặp trong quyển thi-nghệ của A. Dorchain một lợi-khí quí báu mà Phi-Yến trông cậy sẽ dùng để vạch lấy một con đường mới trong thi-văn pháp hầu tạo lập một địa-vị nguy nga. Phi-Yến đã quả quyết, nhứt định « cắt đứt mối tơ vương » với nàng thơ Việt-Nam để kết duyên cùng thần-nữ thi-ca Pháp. Bài thơ « *Adieu à la Poésie* » (1) viết bằng lối thơ bảy chữ, ngày 22-IX-1936, là bài thơ cuối cùng, là tiếng vĩnh-biệt thiết-tha của con chim Yến trong đêm lạnh-lùng ảm-đạm.

Rồi từ đó, dưới cõi trời Nam không còn lảnh lót tiếng vàng, mà trong vườn thượng uyển dưới cõi trời Tây, con chim Yến đã trổi giọng hát ca trên nhành xa lạ cho đến khi buông hơi thở cuối cùng (18-IV-1939).

***

Tôi mở cửa cho Phi-Yến tiến vào vườn thi ; tôi chứng kiến sự phát triển của tài-nghệ Phi-Yến ; tôi cũng chia xẻ vui buồn với Phi-Yến. Song tiếc thay ! tôi không thể giam cầm con chim ấy ở mãi trong lồng thơ ta ! Nhưng lỗi ấy nào phải của tôi, nào phải của Phi Yến. Làng văn ta không cham-nom đưa con quí báu, không biệt đãi người bạn hiền lành, than ôi, trách sao đứa con ấy và người bạn ấy chẳng bỏ nhà xa xóm để đi lơ lảng nơi xứ lạ quê người ! Và biết đâu cái lỗi ấy, đã phạm đối với Phi-Yến, lại chẳng phạm đối với nhiều tài-hoa khác, mà chẳng có ai ngờ ? !

TỐ-PHANG

Trong « Tây-Đô Văn Đoàn »

(1) Đón xem những bài thơ nầy trong THI-SĨ NAM KỲ sắp xuất bản.

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Cuộc phỏng vấn quan Phủ Thừa và nhà văn, Nguyễn-Tiến-Lãng, ở Radio-Saigon nhân dịp ông Nguyễn du lịch Cao-Mên, mới trở về

(Tiếp theo)

HỎI. — « Vừa trọng quốc túy, vừa có tinh thần thanh niên » do chính là một trâm ngôn của Thống chế Pétain khi ngài nói về nước Pháp. Theo những lời của ông nói đó, thưa ông Nguyễn, thì ông đã được thấy ở Cao-mên nhiều sự tiến bộ. Chắc là ông cũng có dịp nói truyện với những người thay mặt cho phái trí thức Cao-mên hẳn là ông đã nhận thấy các quí vị ấy đều biết chú-ý vào hai sự tối cần của nước tiến hóa là làm cho nước Cao-mên đổi mới nhưng vẫn không bỏ quốc túy.

ĐÁP. — Nước Cao-mên hiện nay về phương diện tinh thần còn đang trải qua một thời kỳ mà trong lúc đó phải dùng trước ít nhiều vấn đề mà nước Nam và người Nam chúng ta đã gặp rồi và đã giải quyết rồi. Nhưng nhờ có cuộc quốc-gia cách mệnh, những người Cao-mên bây giờ được có một cái lợi đặc biệt ấy là được thoát khỏi những sự lôi kéo, mâu thuẫn phân vân, sự khó khăn, về tinh thần, mà trước kia, thanh niên An-nam mình đã từng trải ; thanh niên trí thức của Cao-mên ngày nay không có phải [illegible] những sự đau đớn phân-[illegible] đó. Thanh niên Cao-mên [illegible] hiểu rõ ràng, lúc này cần [illegible] dạy và làm cho tỉnh thức [illegible] nước Cao-mên, làm cho cả [illegible] có một chí tiến thủ mới [illegible] đi theo chung một chủ nghĩa và sau hết, làm cho trong nước có một hạng thượng lưu chỉ huy cho nước, hạng này phải cho hoạt động và có tâm hồn trẻ và mạnh.

Thanh niên và trí thức Cao-mên lại còn trực giác nhận thấy một sự tối cần ấy là nhận xét rõ nguyện vọng và tâm hồn của dân chúng mà xây đắp các sự cải cách canh tân trên cái nền tảng ấy, để cho công cuộc được được vững bền.

Lúc này, báo giới bằng tiếng Cao-mên mới vào thời kỳ sáng lập thời kỳ phôi thai, và nền văn chương mới bằng tiếng Cao-mên cũng đang sơ lập và có được nhờ Chánh-phủ và nhà vua Cao-mên, đức Norodom Sihanouk, giúp đỡ cho bằng những giải thưởng văn chương. Những nhà trí thức Cao-mên ngày nay phải sáng tạo hay là trau giồi cho tiếng mẹ đẻ của họ để làm cho tiếng ấy nên một lợi khí chắc chắn và đầy đủ. Hội cựu Học-sinh Sisovath có đãi tôi một tiệc trà và trong tiệc ấy có mặt quan thượng thư bộ giáo dục là S. E. Méas Nal. Trong dịp này tôi đàm đạo cùng những nhà học thức Cao-mên có so sánh công việc hiện nay văn-giới bên ấy phải làm. Với công lao mà trước đây ở nước ta, những cụ Nguyễn-văn-Vĩnh và Phạm-Quỳnh đã dùng sự dịch văn chữ Pháp ra tiếng An-nam mà làm giầu cho tiếng mẹ đẻ. Một nước như nước Cao-mên vẫn là một gặp gỡ của nhiều giống nòi và nhiều luồng văn minh, thì sự gìn giữ tiếng nói của dân tộc có một giá trị rất quan trọng về công cuộc tạo lập quốc gia. Tôn giáo là đức Phật, ở đây cũng lại là một tinh thần khác để kết hợp nền quốc hồn, mặc dầu tôn giáo ấy bấy nay vẫn có phần khiến cho dân đấy ít hoạt động, nhưng nếu thiếu mất tôn-giáo ấy, thì hình như có một sự khuyết điểm lớn trong cuộc sanh tồn của nước. Hiện nay đạo phật vẫn thạnh, tôi có dự một lễ rất lớn có vua Norodom Sihanouk chủ tọa, ở tại chùa Bo-Tum-vaddy, nhân dịp đem an táng những di cốt đã đốt ra tro của hai vị tố cao hòa thượng. Rút lại ở Cao-mên hiện có một công lao dung hòa mới và cũ, và kết liên văn hóa. trong đó công lao của người Pháp, theo chủ nghĩa liên bang của quan Toàn-quyền Decoux, rất là nhiều và lớn, ví dụ như công việc sở I. P. P. và lại ví dụ như việc chấn hưng kịch giới thì ông Guy Poce chủ trương.

Đã có bán

THI-HÀO

TAGORE

Một công trình khảo cứu rất giá trị của ông **Nguyễn-văn-Hai**. Bìa do họa sĩ **Nguyễn-văn-Mười** trình bày. Bạt của thi sĩ **Nguyễn-thiên-Thu**. Sách 400 trang in trên giấy bản dày. Giá 4$80

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

29, LAMBLOT — Hànoi

HỎI. — Đó là ông đã nói cho tôi rõ tình hình trong thượng lưu. Thưa ông Nguyễn xin ông cho chúng tôi hay; dân chúng Cao-mên thì có thay đổi gì hay không?

ĐÁP. — Dân chúng thì phải có người dìu dắt. Nhưng dân chúng tuy giác ngộ, nhưng cũng đã tỉnh thức ít nhiều. Chánh-phủ đang chú ý mà làm cho có ảnh hưởng tốt thấm vào một cách sâu. Như ở tỉnh Kandal, tôi có dự thính vào cuộc đàm luận của quan Công-sứ chủ tỉnh với quan chánh sở I. P. P. đang đặt lên ở các làng những phòng đọc sách để cho dân tập quen mà có tính ham đọc sách. Chánh-phủ lại lo tập cho dân Cao-mên ham sự cần lao, dục cho dân hiểu rằng dân có cái nhiệm vụ làm việc trong mọi việc khai-hóa ở đấy, đừng buộc cho phải dùng người Annam, làm mấy thành công. Tuy vậy trong một thời kỳ khá giài nữa, nước này vẫn còn cần những người Việt-nam ta giúp vào khắp các trường hoạt-động. Người Việt-Kiều sang ở nước Cao-mên thì cũng nên gắng tỏ sự am hiểu và thân thiện, và cả sự vì nể, sự trọng đãi đối với dân bổn xứ chính-đức vua Norodom Sihanouk rất được các người Annam Việt-Kiều kính mến, và chính ngài cũng nói truyện với tôi rằng: ngài hiểu biết cái giá trị của sự cần lao người Việt-Kiều giúp vào các công việc khai hóa nước này. Tôi lại lấy làm cảm kích mà nhắc lại những cử chỉ thân ái của hết thảy các vị thượng thư hưu-trí vinh hàm thủ tướng là S. E. Phionun. Tôi nhắc lại nhời cảm ơn đức vua Norodom Sihanouk, quan khâm sứ De Lens và tới đây xin là lời kết câu chuyện phỏng vấn này.

RADIO SAIGON. — Về phần Radio-Saigon chúng tôi thì chúng tôi xin kết luận rằng: cuộc du lịch của ông ở Miên quốc mới đây đã có những kết quả rất quí báu cho nền văn hóa Đông-pháp. Ông Nguyễn Tiến-Lãng sẽ có một phần công lao lớn trong sự dựng nền văn hóa liên bang cho thành sự thiệt. Thưa ông Nguyễn, mai đây, 31 Mars, 18 giờ, ông lại diễn thuyết ở nhà hát tây lớn trước quan Thống-đốc Hoeffel, vậy ông sẽ thấy công chúng Saigon nô nức và nhiệt liệt hoan nghênh tài hùng biện của ông.

Tissus locaux
ÉTABLISSEMENT CAO-DOT
Chuyên bán buôn và nhận dệt khoán các thứ hàng nội-hóa như:
Douppion, Shan-tung, Faux, shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tai đựng ngô, gạo, vân vân.
Nơi giao dịch:
Thơ bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho M. Bùi thọ Cảo:
12 Rue Strasbourg
HẢIPHONG
Muốn lấy mẫu, xin gửi 0$50 bằng timbre để làm cước phí.

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p.00 một vé

Là người Việt-Nam, ai cũng nên dùng:
Dầu hỏa Việt Nam, hiệu Thiên Thần
do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Văn-Điển (Hà-đông) sáng chế.
Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi
Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ
Mua buôn, mua lẻ, hỏi tại tổng phát hành ở số nhà 58bis, phố Hué (chợ Hôm) — Hanoi
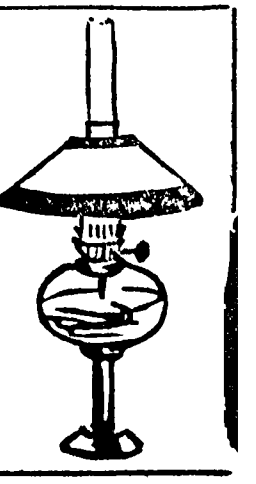

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 17

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Thấy Ái-Thi và Ái Nhạc đứng đấy, vẻ mặt buồn tênh, nàng sẽ ra hiệu cho chúng lại gần và hỏi :

— Hai con đưa thư lúc nãy cho ai ?

— Thưa Quận-chúa, Ái-Thi đáp, chúng con đã trao thư cho công-tử Bảo-Kim đúng như nhời Quận chúa dặn.

Nàng thở dài, nghĩ thầm :

— Thân ta là thân bỏ đi, sống đã vô duyên, chết cũng không có điều chi oán hận. Đời thiếu ta được, nhưng không thể thiếu Bảo Kim và các bạn chàng.

Lo cho Bảo-Kim, nàng quên hết cả duyên số hầm-hiu.

Đêm đã khuya, gió tháng chín thổi lành-lạnh, đánh bật một chiếc rèm rơi xuống ngay chân Quận-chúa. Quỳnh Hoa nhìn qua trấn song, bỗng tái mặt đi và nhắm nghiền mắt lại.

Cách lầu Quận chúa độ hai mươi thước có một nhà bát-giác, không xây tường rất rộng. Trong nhà chăng đèn kết hoa sáng trưng như ban ngày. Cậu Trời đang ngồi ăn uống với lũ vô-lại. Tiệc đã đặt từ lâu, rượu đã cạn từng vò, mà chưa có vẻ gì tỏ ra rằng họ sắp thôi. Đồ ăn vẫn tiếp tục đem lên, các mỹ-nữ vẫn chuyền nhau rót rượu. Trong tiệc có đến mấy trăm người ăn cứ mỗi người đàn ông lại kèm một người đàn bà. Cậu Trời bào gấm, mũ hoa, ngồi chủ-tịch, bên một người thiếu-phụ vẻ dâm ô. Hắn đã say mềm, mắt híp lại cười ha hả, nói liu riu không thành câu. Hắn ôm thiếu phụ lại, ả cố giằng ra, bàn tiệc đồ tung, bát đĩa vỡ loảng-xoảng. Mấy tiếng lụa sẻ soạt soạt ả thiếu phụ đã hở một bên vai tròn trặn và một góc ngực nõn-nà. Đèn nến bỗng tắt tối om. Người ta chỉ còn thấy những bóng vật lộn trong nhà bát giác...

Trống thành đã điểm canh ba. Chợt có tiếng quát tháo của cậu Trời và những tiếng chửi rủa thô tục. Sau cuộc say sưa, hắn sực tỉnh dậy, như có ý hối hận về những cử-chỉ vừa qua. Hắn nghĩ :

— Chết chửa, Quỳnh-Hoa mà trông thấy, ta còn thể thống gì nữa !

Ả thiếu phụ, trong lúc mơ-màng, ôm lấy chân hắn, làm cho hắn thêm tức giận. Hắn nghiến răng, rút con dao găm sáng loáng trong bọc ra, đâm thẳng xuống ngực thiếu phụ. Ả chỉ kịp kêu :

— Trời ơi ! Chết tôi rồi.

Đặng Lân đã rút dao ra, đâm luôn mười mấy nhát, rồi đá cái thây sang một bên. Hắn quát như con quỷ-sứ :

— Bùi-Đăng !

Tên vô-lại sực tỉnh dậy. Hắn biết là có biến, vì sau cuộc vui-vầy của chủ, không bao giờ là không có án mạng. Hắn đẩy người con gái nằm bên cạnh, vùng đứng lên, thưa :

— Thưa cậu, cậu truyền gì ?

— Thắp đèn lên mau !

Mọi người đã tỉnh, đèn vừa thắp lên, ai nấy đều rụng rời khi thấy thây ả thiếu-phụ nằm loã lồ trên vũng máu, mà cậu Trời cũng bét be những máu, trông dữ-dội như một hung thần.

Đặng-Lân thét :

— Bây giờ là bao giờ ?

Bùi Đăng thưa :

— Thưa cậu, bây giờ vào nửa đêm, vừa mới trống canh ba

— Chúng bay là một lũ ăn hại ! Ai cho chúng bay được theo tao, những thằng kia.

Lân quay lại, rút con dao trong thây ả thiếu phụ. Cả bọn đứng lên, chạy tán-loạn. Nhưng người đông, chen nhau lục đục không ra được, và Đặng-Lân cứ việc đâm lấy đâm để, bất kỳ một người nào không mấy người không bị thương. Cả bọn đã chạy hết, duy còn một người con gái ngây thơ, rụt cẳng, vấp phải một cái cột ngã lăn ra. Cậu Trời đuổi kịp cười ha-hả :

— Mày chạy đi đằng trời, đồ thất-tiết !

Người con gái van lậy một cách thất vọng :

— Xin lậy cậu, cậu tha cho em...

— Tha cho mày để mày đi đánh đĩ ? Không giết mày để làm gì ?

Người con gái ứa nước mắt, nói :

— Em không có tội gì, cậu tha cho em...

Con dao đã cắm phập vào giữa bụng... Mặt hoa nhăn nhó, người con gái ôm bụng :

— Trời ơi ! Trời ơi ! Cậu tha cho em.

Đặng-Lân rút dao ra, cười một cái cười ma quỉ, say sưa trong tội ác. Hắn lại đâm lia lịa nạn nhân cho đến khi không còn thấy cử-động nữa, bấy giờ mới thôi.

Giữa lúc ấy, thì trên lầu, Quận-Chúa thốt lên một tiếng kêu thất-thanh. Đặng-Lân quăng dao đứng dậy nhìn lên phía trên lầu. Lại một tiếng rú vừa ai oán vừa thất vọng. Lân ngắm đến mình, thấy quần áo đỏ ngầu những máu, tay chân cũng vậy. Hắn lấy tay vuốt mồ hôi mặt, và mặt hắn như sơn đỏ, trông càng kinh tởm. Con người trụy-lạc ấy bỗng khao khát một chút tình êm-ái hơn.

Hắn quay vào trong nhà, kéo ghế ngồi, nhưng mắt vẫn đăm đăm nhìn lên lầu Quận-Chúa. Cái hình ảnh dịu dàng của người thiếu-nữ quỳ phải kia phảng phất trước mặt tên du-đãng như một ảng hương thơm. Đột nhiên hắn chán ghét tất cả những

thú vui xác thịt, tất cả những con gái đã qua tay hắn.

Hắn gật gù :

— Quỳnh-Hoa đã là vợ ta, không có lý gì vợ chồng lại cách biệt nhau. Bông hoa đã kề đến tận tay, ai lại bỏ không hái ? Chờ đến bao giờ ? Con người lịch sự nhất kinh-thành, cao-qui nhất nước, nay thuộc về tay ta, bỏ không cũng uổng.

(Còn nữa)

NGUYỄN HỤY TƯỞNG

Cuộc trưng-cầu ý-kiến

(Bản chí tiếp được bài này của bạn đồng-nghiệp Hạnh-Phúc nhờ đăng)

Có nhiều giải thưởng

Vì muốn hưởng-ứng với việc làm của hội Khuyến-Học Nam-Kỳ, để dọn đường tấn triển cho văn học Việt-Nam, cho nên về cuộc truy niệm cụ Nguyễn-đình Chiểu (Đồ Chiểu) sẽ tới, báo « Hạnh Phúc » chúng tôi có mở một cuộc trưng cầu ý kiến :

Vấn-đề : *« Ngài trả lời cho chúng tôi biết ngài thích đọc thơ « Lục-vân-Tiên hay truyện « Kim-Vân-Kiều » ? thích như thế vì lẽ gì hãy nói rõ ».*

Tuyển-trạch *ý kiến : 3 điểm ; văn chương : 2 điểm ; chữ viết : 2 điểm ; gọn rõ : 2 điểm.*

Lấy số điểm nhiều ít mà liệt làm một giải nhứt, 10 giải nhì, 20 giải ba.

Giải nhứt sẽ được phần thưởng đồ và bạc mã lối 100$00. *10 giải nhì và 20 giải ba. (xem thêm thể lệ trong* Thời hạn : *ới 10 Juin 1943 thôi thâu bài. Bài chỉ dài lối 1.000 chữ là nhiều. Viết một mặt giấy.*

Gửi bài : M. Nguyễn-văn-Phấn, *báo « Hạnh Phúc » 117 rue Fuacault — Tân Định (Saigon) »*

Phụ chí : Dưới bài nên viết biệt hiệu. Tên hiệu, tên thiệt, địa-chỉ rành rẽ ghi vào một miếng giấy bỏ trong phong bì dán kín kèm theo, để sau khi chấm xong, chúng tôi sẽ ghi vô bài ; nếu bài có hạng.

Bài : quấn băng, dán tem đủ để « bài báo dự thi ».

TRI-TÂN SẼ TĂNG GIÁ TỪ 1er JUIN 1943

Các bạn đồng-nghiệp hằng ngày đã tăng giá : đó vì vật giá càng ngày càng đắt, nhất là giấy mực. Nếu chúng tôi cứ giữ giá bán tờ Tri-Tân như giờ thì lỗ vốn nhiều quá ; chúng tôi không thể hi sinh mãi nên bất đắc dĩ từ 1er Juin 1943 Tri-Tân cũng phải tăng giá lên như sau :

mỗi số	0$30
3 tháng	3 50
6 —	6 50
1 năm.	12 00

1·) Các bạn mua báo trả tiền rồi không phải trả thêm.

2·) Các bạn mua báo mà chưa trả tiền nếu trả trước ngày 1er Juin 1943 chỉ phải trả theo giá cũ là : 3 tháng 2$35 — 6 tháng 4$50 — 1 năm 8$50.

3·) Các bạn mới nếu mua báo mà trả tiền trước ngày 1er Juin 1943 cũng được hưởng theo giá cũ như trên đã nói.

4·) Các học-sinh các trường mua báo giả tiền ngay vẫn được hưởng lệ trừ 20%.

Tri Tân Tạp Chí

Thi văn bình chú

(Tiếp theo trang 8)

lần về vùng Quốc-oai, Yên-sơn, quấy nhiễu các phủ huyện. Phó lãnh-binh ở Sơn-tây là Lê-thuận-Đại đem quân đánh được, Bá-Quát thua chết tại trận. Thượng-thư của giặc là Nguyễn-kim-Thanh, phó-vệ-uý của giặc là Nguyễn-văn-Thực, cũng bị bắt, sau đều chém. Chém được hơn một trăm đầu giặc, bắt sống được hơn 80 người. Việc tâu về triều đình, vua nghe, sai đem đầu Bá-Quát bêu và rao khắp các tỉnh Bắc-kỳ, rồi giã nhỏ, ném xuống sông.

« Bá-Đạt cũng đỗ hương-tiến (cử-nhân) nam Minh-mạng thứ 15 (1834), dần dần làm quan đến tri-huyện Nông-cống, có đức-chính ; vì Bá-Quát cho nên phải tội lây, xử tử, dân trong huyện thương, lập đền thờ. » (*Đại-Nam chính biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 46, tờ 14 b, Nghịch-thần) (3).

Còn nữa

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Sách Luận-ngữ (Tử thư huấn-nghĩa, quyển 20, tờ 18 a) có bài nói « đời Chu có tám người hiền-sĩ, là Bá-Đạt, Bá-Quát, Trọng-Đạt, Trọng-Hốt, Thúc-Dạ, Thúc-Hạ, Qui-Tuỳ, Qui-Ôn », và giải nghĩa rằng : « Tám hiền sĩ ấy, hoặc có người nói sinh đời Thành-vương, hoặc có người nói sinh đời Tuyên vương, do một mẹ bốn vú mà sinh tám con ». Ông Cao-bá-Quát sau lấy hiệu « Chu-thần », nghĩa là bề-tôi nhà Chu, thì chắc là lúc đặt tên cũng lấy điển-tích ở Luận-ngữ.

2) Lại thường truyền tụng câu nôm « Thần Siêu, thánh Quát ».

3) Cao bá-Đạt « đỗ cử-nhân thứ năm khoa giáp-ngọ hiệu Minh-mạng thứ 15 (năm 1834) ở trường Hà-nội. Người làng Phú-thị, huyện Gia-lâm ; anh Bá-Quát, có tiếng văn học làm quan đến tri-huyện Nông cống (Thanh hóa), có đức chính. Vì Bá Quát, phải tội lây xử tử, nhân-dân trong huyện lập đền thờ » (chép theo Quốc triều hương khoa quyển 2, tờ 8 a).

Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Pháp văn đối chiếu.
150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.
Bản thường 1$00 — Bản giấy Đại La 5$00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh**
350 trang khổ 17×23
Bản thường 2$00 — Bản giấy Vergé bouffant *7$00*

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông **Lê-văn-Nựu**
Ngót 100 trang khổ 12×17
Bản thường 0$50 — Bản giấy giò 4$00

—*—

ĐÃ XUẤT BẢN

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại la 5$00

Tổng phát-hành **Mai-Lĩnh**

21 Rue des Pipes — Hanoi

ĐÃ CÓ BÁN : **ĐÀO-DUY-ANH**

*

TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG

(Từ đời thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ). Giá bán: 3$00

VĂN-HÓA

29, Maréchal Pétain — Huế

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHU

QUYỂN THỨ I : 1$20

QUYỂN THỨ II : 1$50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn

Một bộ sách văn học có giá trị họp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

Đã có bán

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI

của Giáo Sư

Nguyễn-đức-Quỳnh

Giá 1$80

Mở đầu cho bộ « lịch sử thế giới » cuốn nghiên-cứu này sẽ trả lời cho những ại đang băn khoăn về do lai vũ trụ, do lai trái đất, do lai nhân loại một cách rất khoa học, rõ ràng.

Mua lẻ xin nhớ gửi tiền trước thêm 0$40 cước đảm bảo.

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
ecteur : Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi